

Phụ lục I
DANH MỤC QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, phương án phát triển Hệ thống đô thị thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

1. Hệ thống đô thị cơ bản như sau:
 - Thành phố Cần Thơ là đô thị loại I;
 - Hệ thống đô thị loại II: là các đô thị theo Khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 gồm các đô thị theo mục A và các đô thị khác được công nhận theo tiêu chuẩn, tiêu chí quy định;
 - Hệ thống đô thị loại III: là đô thị theo Khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 và các đô thị khác được công nhận theo tiêu chuẩn, tiêu chí quy định;
 - Khu vực dự kiến hình thành đô thị bao gồm:
 - + Khu vực dự kiến hình thành đô thị vùng ven sông Hậu (liên quan không gian các xã Tân Hòa, Thạnh Xuân, Thạnh Hòa, Đông Phước, Châu Thành, Phú Hữu, An Lạc Thôn, Kế Sách, Thới An Hội, Nhơn Mỹ, Phú Tâm, Trường Khánh, Đại Ngãi và các địa phương lân cận. Trong đó sớm nghiên cứu khu vực hình thành đô thị có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố với quy mô dân số dự báo lớn hơn 45.000 người theo thời hạn 10 năm tới khu vực nút giao Cao tốc Cần Thơ – Cà Mau với Quốc lộ 1A qua địa bàn xã Thạnh Hòa, Đông Phước, Châu Thành, Phú Hữu);
 - + Khu vực dự kiến hình thành đô thị vùng ven biển (liên quan không gian các xã Long Phú, Trần Đề, An Thạnh, Cù Lao Dung, Lịch Hội Thượng, Liêu Tú, Vĩnh Hải và các địa phương lân cận);
 - + Khu vực dự kiến hình thành đô thị khu vực phía Tây Bắc thành phố (liên quan không gian các xã Thạnh An, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai và các địa phương lân cận);
 - + Khu vực dự kiến hình thành đô thị khu vực phía Tây thành phố (liên quan không gian các xã Vị Thủy, Xà Phiên, Lương Tâm, Vĩnh Viễn và các địa phương lân cận);
 - + Khu vực dự kiến hình thành đô thị khu vực theo tuyến kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp (liên quan không gian các xã Hòa An, Hiệp Hưng, Tân Phước Hưng, Long Hưng, Mỹ Tú, Phương Bình và các địa phương lân cận);

+ Khu vực dự kiến hình thành đô thị khu vực theo Quốc lộ 1A (liên quan không gian các xã An Ninh, Ngọc Tố, Nhu Gia, Gia Hòa, Phú Lộc, Hòa Tú và các địa phương lân cận).

Đối với “Khu vực dự kiến hình thành đô thị”, UBND thành phố xem xét quyết định việc lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chung đô thị theo pháp luật về Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định có liên quan.

2. Hệ thống đô thị mới, khu vực dự kiến hình thành đô thị có thể được cụ thể hóa và xác định trong Quy hoạch chung thành phố và tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Ghi chú:

- Định hướng phân loại đô thị bảo đảm phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn định hướng sẽ cho phép thực hiện các thủ tục đánh giá công nhận phân loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị.

- Các khu vực (dự kiến) hình thành đô thị, đô thị mới được xem xét xác định theo hướng linh hoạt, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và khả năng đáp ứng các tiêu chí theo quy định. Việc xem xét, đề xuất và quyết định thực hiện do cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Phạm vi cụ thể của đô thị được thành phố tiếp tục xác định theo pháp luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Việc tổ chức lập Quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện theo pháp luật về Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Đối với “Khu vực (dự kiến) hình thành đô thị”, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định việc lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chung đô thị theo pháp luật về Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định khác có liên quan. Hệ thống đô thị mới, khu vực dự kiến hình thành đô thị có thể được cụ thể hóa và xác định trong Quy hoạch chung thành phố và tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Phụ lục II
DANH MỤC KHU CHỨC NĂNG PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP,
CỤM CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. DANH MỤC KHU CÔNG NGHIỆP

STT	Tên Khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích quy hoạch dự kiến (ha)	Ghi chú
A	KCN GIAI ĐOẠN 2021 - 2030		8.726,99	
I	Các KCN đang hoạt động		1.376,66	
1	KCN Trà Nóc 1	P. Thới An Đông	130,80	
2	KCN Trà Nóc 2	P. Phước Thới	157,76	
3	KCN Hưng Phú 1	P. Hưng Phú	58,57	Giữ nguyên hiện trạng đã triển khai
3.1	<i>KCN Hưng Phú I (Cụm A)</i>	P. Hưng Phú	28,33	
3.2	<i>KCN Hưng Phú I (Cụm B)</i>	P. Hưng Phú	30,24	
4	KCN Hưng Phú 2	P. Hưng Phú	59,87	Giữ nguyên hiện trạng đã triển khai
5	KCN Thốt Nốt	P. Thốt Nốt	74,87	
6	KCN Sông Hậu giai đoạn 1	xã Châu Thành	290,79	
7	KCN Tân Phú Thạnh giai đoạn 1	xã Thạnh Xuân	201,00	
8	KCN An Nghiệp	xã An Ninh; P. Sóc Trăng	243,00	
9	KCN Trần Đề	xã Trần Đề	160,00	
II	Các KCN đang triển khai		1.498,28	
10	Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)	xã Vĩnh Trinh	293,70	
11	Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2)	xã Vĩnh Trinh	540,58	Diện tích theo QH TP trước khi

STT	Tên Khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích quy hoạch dự kiến (ha)	Ghi chú
				thành lập là 606,3ha
12	KCN Đông Phú 2	xã Châu Thành	234,00	
13	KCN Sông Hậu 2	xã Châu Thành, xã Phú Hữu	430,00	Đã thành lập KCN với diện tích 380ha, giữ nguyên diện tích QH ban đầu
III	Các KCN phát triển mới		5.852,05	
14	KCN Vĩnh Thạnh 2	xã Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Trinh	519,00	
15	KCN Vĩnh Thạnh 3	xã Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Trinh	675,45	
16	Khu công nghiệp công nghệ cao quận Ô Môn	P. Phước Thới	250,00	
17	KCN Đông Phú	xã Châu Thành	120,00	
18	KCN Nhơn Nghĩa A	xã Tân Hoà	252,00	
19	KCN Tân Hoà	xã Tân Hoà	204,60	
20	KCN Tân Bình	xã Tân Bình	210,00	
21	KCN Long Thạnh	xã Thạnh Hoà	290,00	
22	KCN Mỹ Thạnh	xã Vĩnh Hải	217,00	
23	KCN Đại Ngãi	xã Đại Ngãi	196,00	
24	KCN Sông Hậu	xã An Lạc Thôn	286,00	
25	Mở rộng KCN An Nghiệp	xã An Ninh	169,00	
26	KCN Trần Đề 2	xã Trần Đề	700,00	
27	KCN - Đô thị - Dịch vụ Phú Mỹ	xã An Ninh, xã Mỹ Hương, phường Mỹ Xuyên	1.125,00	Diện tích QH toàn khu là 1.500ha (đất công nghiệp 1.125ha, còn lại là đất đô thị - dịch vụ)

STT	Tên Khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích quy hoạch dự kiến (ha)	Ghi chú
28	KCN - Đô thị - Dịch vụ Trần Đề	xã Trần Đề, xã Lịch Hội Thượng	638,00	Diện tích QH toàn khu là 850ha (đất công nghiệp 638ha, còn lại là đất đô thị - dịch vụ)
B	KCN GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2030		12.511,28	
29	KCN Vĩnh Thạnh 4	xã Vĩnh Thạnh	1.091,28	
30	KCN Vĩnh Thạnh 5	xã Vĩnh Trinh, xã Vĩnh Thạnh, P.Trung Nhứt	2.550,00	
31	KCN Cờ Đỏ - Thới Lai	xã Đông Hiệp, xã Thới Lai, xã Đông Thuận	1.070,00	
32	KCN Phú Tân	xã Phú Tân	890,00	
33	KCN Phú Hữu	xã Phú Hữu	1.100,00	
34	KCN Tân Phước Hưng	xã Tân Phước Hưng	1.160,00	
35	KCN Tân Bình II	xã Tân Bình	800,00	
36	KCN Tân Bình III	xã Tân Bình	1.000,00	
37	KCN Bình Thành	xã Tân Bình	1.250,00	
38	KCN Vĩnh Viễn	xã Vĩnh Viễn	1.000,00	
39	KCN Đại Ngãi 2	xã Đại Ngãi	250,00	
40	KCN Long Phú	xã Long Phú	350,00	Thay cho Khu công nghiệp Khánh Hòa
TỔNG CỘNG			21.238,27	
C	KHU KINH TẾ			
41	Khu kinh tế Trần Đề	Các xã Vĩnh Hải, Liêu Tú, Lịch Hội Thượng, Trần Đề, Tài Văn, Tân Thạnh, Đại Ngãi, Trường Khánh, Long Phú và phường Khánh Hòa	40.000,00	

II. DANH MỤC CỤM CÔNG NGHIỆP

ST T	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích quy hoạch dự kiến (ha)	Ghi chú
A	CỤM CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2030		2.083,65	
I	Cụm công nghiệp đã thành lập		591,65	
1	CCN tập trung Phú Hữu A - Giai đoạn 1	xã Châu Thành	110	
2	CCN Kho tàng và bến bãi Tân Tiến	xã Hòa Lự	41,19	
3	CCN TTCN - Ngã Bảy	P. Ngã Bảy	74,66	Mở rộng thêm 50 ha 2026 - 2030
4	CCN TTCN - Vị Thanh	P. Vị Thanh	74	
5	CCN TTCN - Long Mỹ	P. Long Mỹ	68,2	
6	CCN Ngã Năm	P. Ngã Năm	44,88	
7	CCN An Lạc Thôn 1	xã An Lạc Thôn	32,1	
8	CCN An Lạc Thôn 2	xã An Lạc Thôn	21,62	
9	CCN Xây Đá B	xã Hồ Đắc Kien	75	
10	CCN Xây Đá B Mới	xã Hồ Đắc Kien	50	
II	Cụm công nghiệp giai đoạn trước chuyển sang		832	
11	CCN Long Đức 1	xã Đại Ngãi	54	CCN đã được phê duyệt
12	CCN Long Đức 2	xã Đại Ngãi	69	
13	CCN Tân Thành	P. Đại Thành	50	
14	CCN Vĩnh Viễn	xã Vĩnh Viễn	30	
15	CCN Vị Bình	xã Vị Thanh 1	71	
16	CCN Sóc Trăng	P. Sóc Trăng	55	
17	CCN Cờ Đỏ	xã Cờ Đỏ	75	
18	CCN Thới Lai	xã Trường Thành	75	
19	CCN Tân Phước Hưng	xã Tân Phước Hưng	50	
20	CCN Phú Tân	xã Phú Hữu	50	
21	CCN Long Đức 3	xã Đại Ngãi	75	
22	CCN Thạnh Trị	xã Phú Lộc	75	
23	CCN Long Hưng	xã Long Hưng	52	
24	CCN Vĩnh Phước	xã Vĩnh Phước	51	
III	Cụm công nghiệp đề xuất bổ sung mới		660	

ST T	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích quy hoạch dự kiến (ha)	Ghi chú	
25	CCN Trung Nhứt	P. Trung Nhứt	50	CCN đề xuất bổ sung đến 2030	
26	CCN Trường Xuân	xã Trường Xuân	75		
27	CCN Trường Long Tây 1	xã Trường Long Tây	75		
28	CCN Thạnh Hòa	xã Thạnh Hòa	50		
29	CCN Long Bình	P. Long Bình	61		
30	CCN Vị Thủy	xã Vị Thủy	40		
31	CCN Vĩnh Thuận Đông	xã Vĩnh Thuận Đông	70		
32	CCN Trà Ếch	xã Thới An Hội	48		
33	CCN Thới An Hội	xã Thới An Hội	58		
34	CCN Bãi Xàu	P. Mỹ Xuyên	58		
35	CCN Thạnh Phú	xã Thạnh Phú	75		
B	CỤM CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN SAU 2030		667,58		
36	CCN Vị Bình 2	xã Vị Thanh 1	75		CCN đã được quy hoạch và đề xuất chuyển sang sau 2030
37	CCN Lương Tâm	xã Lương Tâm	75		
38	CCN Lương Tâm 2	xã Lương Tâm	75		
39	CCN Hòa Lự 1	xã Hòa Lự	57,98		
40	CCN Hòa Lự 2	xã Hòa Lự	55,6		
41	CCN Dương Kiêng	xã Hòa Tú	25		
42	CCN Ngọc Đông	xã Ngọc Tó	75		
43	CCN Lịch Hội Thượng	xã Lịch Hội Thượng	70		
44	CCN Tài Văn	xã Tài Văn	59		
45	CCN Khánh Hòa	xã Khánh Hoà	50		
46	CCN Thuận Hòa	xã Thuận Hoà	50		
Tổng			2.676,23		

Ghi chú:

- Việc đầu tư các công trình, dự án, công trình phát triển Khu kinh tế Trần Đề, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn phải căn cứ theo chỉ tiêu sử dụng đất trong thời kỳ 2021 - 2030 và sau năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương. Tên, quy mô diện tích, phạm vi ranh giới, giai đoạn thực hiện sẽ được hiệu chỉnh điều chuyển trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục III
DANH MỤC KHU CHỨC NĂNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU DU LỊCH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (Xã/ phường)
1	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp Cù lao Tân Lộc	Phường Thốt Nốt
2	Khu du lịch sinh thái Phong Điền	
3	Khu du lịch cồn Sơn	Phường Bình Thủy
4	Khu phố đi bộ Hai Bà Trưng	Phường Ninh Kiều
5	Khu phố đi bộ rạch Khai Luông	Phường Cái Khế
6	Khu du lịch Hưng Phú (cồn nổi)	Phường Hưng Phú
7	Bến tàu du lịch tổng hợp	
8	Đầu tư xây dựng Tháp Du lịch Cồn Cái Khế	Phường Cái Khế
9	Tổ hợp khách sạn - Hội nghị Cần Thơ tiêu chuẩn cao cấp	
10	Trung tâm dịch vụ du lịch Tân Lộc	Phường Tân Lộc
11	Khu du lịch sinh thái Tân Mỹ, phường Tân lộc	Phường Tân Lộc
12	Xây dựng mô hình vườn du lịch nông nghiệp	
13	Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm, vui chơi, giải trí....	
14	Xây dựng các bến thuyền du lịch, bến du thuyền	Phường Thốt Nốt
15	Chợ nổi Cái Răng (đầu tư, phát triển)	Phường Cái Răng
16	Làng Văn hóa - Du lịch chợ nổi Ngã Năm	Phường Ngã Năm
17	Làng Homestay sông Đĩnh	Phường Sóc Trăng
18	Khu Phố biển Trần Đề	Xã Trần Đề
19	Khu phố du lịch Maspero	Phường Sóc Trăng
20	Khu lâm viên, vui chơi giải trí, tham quan du lịch	Phường Sóc Trăng
21	Khu du lịch - thể dục thể thao Cồn nổi số 3 và Cồn Lý Quyên	
22	Khu du lịch cáp treo Trần Đề - Cù Lao Dung	
23	Khu du lịch đặc trưng phía nam hạ lưu sông Mê Kông	Xã Cù Lao Dung
24	Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn kết hợp nghỉ dưỡng	Xã Cù Lao Dung

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (Xã/ phường)
25	Khu du lịch sinh thái kết hợp đô thị ven biển; khu chức năng dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, khu đô thị lấn biển	Phường Vĩnh Châu
26	Khu du lịch sinh thái Hồ Bể	Phường Vĩnh Hải
27	Khu du lịch sinh thái biển Mỏ Ó	Xã Trần Đề
28	Khu du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Xã Phương Bình
29	Khu du lịch Hồ nước ngọt	Xã Vĩnh Tường
30	Khu du lịch sinh thái Việt Úc - Hậu Giang	Xã Vĩnh Tường
31	Làng du lịch Sinh thái - Văn hoá Tầm Vu	Xã Thạnh Xuân
32	Vùng du lịch cộng đồng Quýt đường Long Trị	Phường Long Mỹ
33	Khu du lịch Hồ Sen	Phường Vị Thanh
34	Khu du lịch sinh thái Kênh Lâu	Xã Hòa Lựu
35	Khu du lịch hồ Tam Giác	Phường Vị Thanh
36	Khu dịch vụ đô thị sinh thái thuộc vùng đệm Lung Ngọc Hoàng	Xã Phương Bình, Hiệp Hưng
37	Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng Mekong	Xã Châu Thành, Đông Phước, Phú Hữu, Thạnh Hòa...
38	Khu đô thị, du lịch sinh thái, dưỡng lão	Xã Nhơn ái, khoảng 145ha

Ghi chú:

- Các khu, điểm du lịch, khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan thực hiện cụ thể hóa tên, vị trí, ranh giới, diện tích, nguồn vốn đầu tư của các công trình, lộ trình thực hiện các công trình, dự án khu du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao, đô thị đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục IV
DANH MỤC KHU CHỨC NĂNG CÁC CÔNG TRÌNH SẢN XUẤT NÔNG
NGHIỆP TẬP TRUNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

STT	Danh mục công trình
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Cần Thơ (theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030)
2	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang (theo Quyết định số 1152/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang)
3	Trung tâm phát triển thủy sản Cần Thơ (theo Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 03 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)
4	Xây dựng trung tâm đầu mối về nông nghiệp Trần Đề
5	Phát triển thủy sản bền vững (SFDP), vay vốn WB
6	Nuôi tôm công nghệ cao, sản xuất tôm giống
7	Phát triển hạ tầng nông nghiệp vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Công ty TNHH Một thành viên Nông nghiệp Cờ Đỏ
8	Phát triển hạ tầng nông nghiệp vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Sông Hậu
9	Các khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao, bao gồm Thới Hưng, Thạnh Phú, Cờ Đỏ, Trường Xuân, Ô Môn, Vĩnh Viễn, Thạnh Quới (2 khu), Thạnh An và các khu vực có điều kiện phù hợp khác.
10	Các Khu chăn nuôi theo hướng công nghệ cao Thới Hưng, Đông Bình, Châu Thành...
11	Phát triển nguồn lợi, xây dựng mô hình và liên kết chuỗi giá trị cá đồng
12	Phát triển sản xuất giống cây trồng chất lượng cao
13	Phát triển dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp
14	Phát triển ngành nghề nông thôn, tiểu thủ công nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp
15	Liên kết đầu tư, trồng và sản xuất giống cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, xuất khẩu.
16	Dự án ứng dụng chuyển đổi số trong xây dựng hệ thống thu thập dữ liệu sản xuất và quản lý dịch hại cây trồng
17	Chuyển giao khoa học và công nghệ lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản đến năm 2030

STT	Danh mục công trình
18	Phát triển hệ thống sản xuất giống thủy sản chất lượng cao
19	Phát triển hệ thống sản xuất giống gia súc, gia cầm chất lượng cao
20	Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung
21	Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung
22	Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung
23	Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học Khu rừng đặc dụng thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
24	Trồng cây lâm nghiệp phân tán
25	Di dời dân cư từ khu bảo vệ nghiêm ngặt ra khu sản xuất của Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
26	Cải tạo lung tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
27	Hạ tầng và Công nghệ cho sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp (ITLCR) Đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ
28	Phát triển hệ thống sản xuất giống gia súc, gia cầm chất lượng cao
29	Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung
30	Đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

Ghi chú: Tên, quy mô, phạm vi ranh giới sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục V
DANH MỤC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. CAO TỐC VÀ QUỐC LỘ

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối
a	Cao tốc		
1	Cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01)		
-	<i>Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau</i>	<i>Đường vành đai phía Tây</i>	<i>Ranh tỉnh Cà Mau</i>
-	<i>Cầu Cần Thơ 2 và đường dẫn 2 đầu cầu</i>	<i>Ranh tỉnh Vĩnh Long</i>	<i>Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau</i>
2	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02):		
-	<i>Cao tốc Cao Lãnh - Lộ Tế</i>	<i>Ranh tỉnh Đồng Tháp</i>	<i>Nút giao Lộ Tế</i>
-	<i>Cao tốc Lộ Tế - Rạch Sỏi</i>	<i>Nút giao Lộ Tế, xã Vĩnh Trinh</i>	<i>Ranh tỉnh An Giang</i>
3	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (CT.34)	Ranh tỉnh An Giang	QL.91B
4	Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu (CT.35)		
-	<i>Đoạn 1</i>	<i>Ranh tỉnh An Giang</i>	<i>Ranh tỉnh Cà Mau</i>
-	<i>Đoạn 2</i>	<i>Ranh tỉnh Cà Mau</i>	<i>Ranh tỉnh Cà Mau</i>
5	Cao tốc TP.HCM - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33)	Ranh tỉnh Vĩnh Long	Ranh tỉnh Cà Mau
b	Quốc lộ		
1	QL.1	Ranh tỉnh Vĩnh Long	Ranh với tỉnh Cà Mau
2	QL.60	Ranh tỉnh Vĩnh Long	QL.61B tại xã Tân Long
3	QL.61	QL.1 tại xã Thạnh Hòa	Ranh tỉnh An Giang

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối
4	QL.61B	QL.1 tại xã Phú Lộc	QL.91B tại phường Vĩnh Phước
5	QL.61C	QL.1 tại phường Cái Răng	QL.61 tại phường Vị Thanh
6	QL.80	QL.91 tại phường Thốt Nốt	Ranh tỉnh An Giang
7	QL.91	Đường Lê Hồng Phong	Ranh tỉnh An Giang
-	<i>Đoạn 1</i>	<i>Đường Lê Hồng Phong</i>	<i>Tuyến tránh Ô Môn</i>
-	<i>Đoạn 2</i>	<i>Tuyến tránh Ô Môn</i>	<i>Ranh tỉnh An Giang</i>
8	QL.91B	QL.91 tại phường Phước Thới	Ranh tỉnh Cà Mau
9	QL. Quản Lộ-Phụng Hiệp	QL.1 tại phường Ngã Bảy	Ranh tỉnh Cà Mau
10	QL.91D	Ranh tỉnh An Giang	QL.61C tại xã Vị Thanh 1
c	Đường bộ ven biển		
1	Đường bộ ven biển	Ranh tỉnh Vĩnh Long	Ranh tỉnh Cà Mau
d	Đường liên tỉnh		
1	Tuyến Sa Đéc - Ô Môn - Giồng Riềng - Rạch Giá	Đường dẫn Cầu Ô Môn	Ranh tỉnh An Giang
-	Cầu Ô Môn	Ranh tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Cần Thơ
2	Tuyến Ngã Bảy - Châu Thành - Trà Ôn - Long Hồ	Ranh tỉnh Vĩnh Long	QL. Quản Lộ - Phụng Hiệp
-	Cầu Châu Thành	Ranh tỉnh Vĩnh Long	Thành phố Cần Thơ

II. ĐƯỜNG TỈNH

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối
a	Đường Vành đai		
1	Vành đai phía Tây	QL.80 tại xã Vĩnh Trinh	Đường Võ Nguyên Giáp tại phường Hưng Phú

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối
2	Vành đai 2	QL.80 tại xã Vĩnh Thạnh	QL.1 tại xã Thạnh Xuân
3	Vành đai phía Tây nhánh nối đến đường tránh Cái Tắc.	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và quốc lộ 61C	Đường tránh Cái Tắc
b	Đường trục chính đô thị		
1	Đường Lê Phước Thọ (đường hẻm 91)		
2	Trục đường đô thị 1A (trùng với hướng tuyến đường cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và đường sắt TP. Hồ Chí Minh - Cần Thơ):		
3	Đường nối đường Võ Nguyên Giáp - Vành đai phía Tây - ĐT.925		
4	Đường Trần Hoàng Na		
5	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài		
6	Đường Phạm Hùng		
7	Đường dọc sông Cần Thơ (Hai Bà Trưng - Nguyễn Thị Minh Khai - Tâm Vu -ĐT.923)		
c	Đường tỉnh		
-	Các tuyến nâng cấp		
1	ĐT.917	QL.91 qua cầu Trà Nóc	QL.91B tại xã Phong Điền
2	ĐT.918	QL.91 tại phường Bình Thủy	ĐT.918B tại xã Phong Điền
3	ĐT.919	QL.80 tại xã Vĩnh Thạnh	ĐT.929 tại xã Trường Xuân
4	ĐT.920B	QL.91 tại phường Ô Môn	Gần chợ Thới An
5	ĐT.920C	QL.91 tại phường Phước Thới	ĐT.920 tại phường Phước Thới
6	ĐT.921	QL.91 tại phường Trung Nhứt	Ranh tỉnh An Giang

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối
7	ĐT.922	QL.91 tại phường Thốt Nốt	ĐT.922C tại xã Đông Hiệp
8	ĐT.922C	QL.91B tại phường Thới An Đông	ĐT.919 tại xã Cờ Đỏ
9	ĐT.923	Đường 3 tháng 2 tại phường An Bình	QL.91 tại phường Phước Thới
10	ĐT.925	QL.1 tại xã Thạnh Xuân	QL.91B tại xã Châu Thành
11	ĐT.927C	QL.1 tại phường Ngã Bảy	QL.91B tại xã Châu Thành
12	ĐT.928	QL.61 tại xã Thạnh Hòa	ĐT.928B tại xã Tân Phước Hưng
13	ĐT.928B	ĐT.927 tại phường Ngã Bảy	QL.61B phường Long Phú 1
14	ĐT.931B	QL.61 tại phường Vị Thanh	Đường dẫn cầu Vàm Xáng tại xã Nhơn Ái
15	ĐT.932B	QL.91B tại xã An Lạc Thôn	QL.1 tại xã Đại Hải
16	ĐT.933	Đường Phạm Hùng tại phường Sóc Trăng	ĐT.933B tại xã Cù Lao Dung
17	ĐT.933B	QL.60 tại xã An Thạnh	Xã Cù Lao Dung
18	ĐT.933C	QL. 91B tại xã Trần Đề	ĐT.933 tại xã Long Phú
19	ĐT.934	Đường Võ Văn Kiệt tại phường Mỹ Xuyên	QL.91B tại xã Trần Đề
20	ĐT.934B	Đường Mạc Đĩnh Chi tại phường Phú Lợi	QL.91B tại xã Trần Đề
21	ĐT.935	ĐT.934 tại xã Tài Văn	Đường 30/4 tại phường Vĩnh Châu
22	ĐT.936	QL.1 tại phường Mỹ Xuyên	QL.91B tại phường Vĩnh Phước
23	ĐT.936B	QL.91B tại xã Lịch Hội Thượng	Ranh tỉnh Cà Mau
24	ĐT.937	ĐT.934 tại phường Mỹ Xuyên	ĐT.940 tại xã Hòa Tú
25	ĐT.939	QL.1 tại phường Mỹ Xuyên	ĐT.939B tại xã Mỹ Hương
26	ĐT.940	QL.Quản Lộ - Phụng Hiệp tại xã Long Hưng	QL.91B tại phường Vĩnh Phước
-	Các tuyến kéo dài		

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối
1	ĐT.920	Cầu Rạch Chôm	QL. 91 tại phường Thuận Hưng
2	ĐT.925B	QL.61C tại xã Vị Thanh 1	ĐT.925 tại xã Phú Hữu
3	ĐT 926	ĐT.923 tại xã Phong Điền	QL.61C tại xã Vị Thanh 1
4	ĐT.926B	ĐT.931B tại xã Tân Hòa	ĐT.939 tại xã Mỹ Hương
5	ĐT.927	QL.61 tại ngã 3 Vĩnh Tường	QL.1 tại phường Ngã Bảy
6	ĐT.927B	ĐT.931B tại xã Vị Thanh 1	ĐT.940 tại xã Mỹ Tú
7	ĐT.929	ĐT.919 tại xã Trường Xuân	QL.61 tại xã Tân Bình
8	ĐT.930	ĐT.926B tại xã Phương Bình	Ranh tỉnh An Giang
9	ĐT.930B	QL.61B tại xã Xà Phiên	Ranh tỉnh An Giang
10	ĐT.931	QL.61C tại phường Vị Thanh	Ranh tỉnh Cà Mau
11	ĐT.932	ĐT.938 tại xã An Ninh	ĐT.932B tại xã An Lạc Thôn
12	ĐT.932C	QL.60 tại xã Trường Khánh	ĐT.932B tại xã Đại Hải
13	ĐT.935B	QL.91B tại xã Đại Ngãi	ĐT.934 tại xã Tài Văn
14	ĐT.939B	QL.91B tại xã Nhơn Mỹ	ĐT.939 tại xã Mỹ Hương
15	ĐT.938	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa tại phường Sóc Trăng	QL.61B tại xã Tân Long
-	Các tuyến mới		
1	ĐT.916 (nâng cấp từ ĐH Kênh E)	Ranh tỉnh An Giang	ĐT.919 tại xã Cờ Đỏ
2	ĐT.917B	ĐT.917C tại phường Phước Thới	ĐT.919B tại xã Trường Xuân
3	ĐT.917C	ĐT.920 tại phường Phước Thới	ĐT.923 tại xã Phong Điền
4	ĐT.918B	Đường Võ Văn Kiệt tại phường Long Xuyên	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối
5	ĐT.919B	QL.80 tại xã Thanh Phú	ĐT.931B tại xã Tân Hòa
6	ĐT.920D	Nút giao QL.91 và đường Đặng Thanh Sử tại phường Ô Môn	Nút giao QL.91 và đường dẫn vào cầu Tân Lộc tại phường Thuận Hưng
7	ĐT.921B (nâng cấp từ đường Thắng Lợi và đường Đê bao)	QL.91 tại phường Thốt Nốt	Ranh tỉnh An Giang
8	ĐT.921C	Xã Thạnh Quới	Xã Thạnh An
9	ĐT.921D	QL.91 tại phường Thới Long	ĐT.919B tại xã Cờ Đỏ
10	ĐT.921E	Tuyến tránh Thốt Nốt tại phường Trung Nhứt	ĐT.916 tại xã Thanh Phú
11	ĐT.922B	ĐT.920 tại phường Thới Long	Ranh tỉnh An Giang
12	ĐT.922D	ĐT.922 tại xã Thới Lai	Ranh tỉnh An Giang
13	ĐT.922E	ĐT.922 tại xã Thới Lai	Ranh tỉnh An Giang
14	ĐT.925C	QL.1 tại xã Đông Phước	QL.60, xã Trường Khánh
15	ĐT.925D	ĐT.925B tại xã Vị Thủy	QL.61C tại phường Vị Thanh
16	ĐT.925E	QL.61C tại phường An Bình	QL.1 tại xã Thanh Hòa
17	ĐT.926C	Đường Võ Nguyên Giáp, phường Vị Tân	ĐT.923 tại phường An Bình
18	ĐT.927D	QL.1 tại phường Đại Thành	ĐT.927 tại xã Hiệp Hưng
19	ĐT.928C	ĐT.927 tại phường Ngã Bảy	ĐT.931 tại xã Vĩnh Viễn
20	ĐT.928D	ĐT.922D tại xã Thới Lai	ĐT.928B tại xã Tân Phước Hưng
21	ĐT.931C	QL.61C tại phường Vị Thanh	QL.Quản Lộ - Phụng Hiệp tại phường Mỹ Quới
22	ĐT.932D	QL.60 tại phường Sóc Trăng	ĐT.932B tại xã Đại Hải
23	ĐT.932E	QL.Quản Lộ - Phụng Hiệp tại phường Đại Thành	QL.91B tại xã An Lạc Thôn

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối
24	ĐT.935C	QL.60 tại xã Đại Ngãi	ĐT.936C tại phường Vĩnh Châu
25	ĐT.936C	QL.91B tại xã Vĩnh Hải	Ranh tỉnh Cà Mau
26	ĐT.937B	QL.91B tại xã Vĩnh Hải	QL.Quản lộ - Phụng Hiệp phường Mỹ Quới
27	ĐT.939C	ĐT.939 tại xã Mỹ Phước	ĐT.937B tại xã Vĩnh Lợi

III. NÚT GIAO TRỌNG ĐIỂM

STT	Tên nút giao thông
a	Nút giao đường tỉnh với đường cao tốc
1	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tế - Rạch Sỏi và Tuyến quốc lộ 91 tránh Long Xuyên
2	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tế - Rạch Sỏi và đường tỉnh 919
3	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tế - Rạch Sỏi và đường vành đai phía Tây (QL91 - Lộ Tế - Rạch Sỏi - QL80)
4	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tế - Rạch Sỏi và Đường nối quốc lộ 80 đến đường tỉnh 923 (đường vành đai 2)
5	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tế - Rạch Sỏi và Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng
6	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và Cao tốc Lộ Tế - Rạch Sỏi
7	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và đường tỉnh 921E
8	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang)
9	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và đường tỉnh 917B
10	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và QL.61C
11	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và cao tốc Cần Thơ - Cà Mau
12	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và QL Quản Lộ - Phụng Hiệp
13	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và QL.1
14	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng

STT	Tên nút giao thông
15	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và QL.91B
16	Nút giao giữa Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và đường vành đai phía Tây thành phố (đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến quốc lộ 61C)
17	Nút giao giữa Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và QL.1
18	Nút giao giữa Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và QL.61
19	Nút giao giữa Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và QL.61
20	Nút giao giữa Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và ĐT.930
21	Nút giao giữa Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu
22	Nút giao giữa Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu và QL.61
23	Nút giao giữa Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng và ĐT.933B
24	Nút giao giữa Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng và QL.91B
25	Nút giao giữa Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng và ĐT.940
26	Nút giao giữa Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng và QL.61B
b	Kết nối liên thông với các quốc lộ, đường tỉnh, đường vành đai, đường trục chính đô thị
1	Các nút giao trọng điểm trên địa bàn thuộc các phường Ninh Kiều, Tân An, Cái Khế, An Bình, Cái Răng, Hưng Phú, Bình Thủy, ...
2	Nút giao giữa quốc lộ 1 và đường Võ Nguyên Giáp IC3
3	Nút giao IC4 của quốc lộ 1
4	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và quốc lộ 61C
5	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường Nguyễn Văn Cừ nối dài
6	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường tỉnh 918B
7	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường tỉnh 917C
8	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường tỉnh 917B
9	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang)
10	Nút giao giữa Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang) và đường tỉnh 920D
11	Nút giao giữa đường Hẻm 91 và đường Võ Văn Kiệt

STT	Tên nút giao thông
12	Nút giao giữa đường Hẻm 91 và quốc lộ 91B
13	Nút giao giữa đường Hẻm 91 và đường vành đai phía Tây
14	Nút giao giữa đường tỉnh 918 mới và quốc lộ 91B
15	Nút giao giữa đường tỉnh 918 mới và đường tỉnh 923
16	Nút giao giữa đường tỉnh 918 mới và đường nối quốc lộ 80 đến đường tỉnh 923 (đường vành đai 2)
17	Nút giao giữa đường tỉnh 917B và quốc lộ 91B
18	Nút giao giữa đường nối quốc lộ 80 đến đường tỉnh 923 (đường vành đai 2) và quốc lộ 61C
19	Nút giao giữa đường vành đai 2 và đường tỉnh 917B
20	Nút giao giữa đường vành đai 2 và tuyến Đồng Tháp - Cần Thơ - Kiên Giang

IV. CẦU, HÀM LỚN

Stt	Tên cầu
1	Cầu Ô Môn (bắc qua sông Hậu kết nối Tuyến Sa Đéc - Ô Môn - Giồng Riềng)
2	Cầu Cần Thơ 2 (bắc qua sông Hậu kết nối đường bộ cao tốc TPHCM - Cần Thơ và đường bộ cao tốc Cần Thơ - Cà Mau)
3	Cầu đường sắt TPHCM - Cần Thơ (bắc qua sông Hậu kết nối đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ)
4	Cầu hoặc hầm Xóm Chài (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đến khu vực Xóm Chài)
5	Cầu kết nối cồn Cái Khế quận Ninh Kiều và cồn Ấu (bắc qua sông Cần Thơ kết nối đến Cồn Ấu)
6	Cầu kết nối đường Trần Phú và Cồn Khương (bắc qua rạch Khai Luông, kết nối đến Cồn Khương)
7	Cầu hoặc hầm vượt sông kết nối từ đường Mậu Thân (cặp bên chợ Xuân Khánh), bắc qua sông Cần Thơ
8	Cầu nối từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến Cồn Khương (bắc qua rạch Khai Luông kết nối đến khu đô thị mới Cồn Khương)
9	Cầu qua cù lao Tân Lộc (bắc qua sông Hậu kết nối đến cù lao Tân Lộc)
10	Cầu Cái Răng đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ kết nối đường Phạm Hùng với Đường 3/2 và Đường 30/4, phục vụ kết nối dải trung tâm đô thị mới, thương mại, dịch vụ Cái Răng với vùng đô thị trung tâm)

Stt	Tên cầu
11	Cầu Hưng Lợi đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Nguyễn Văn Linh - QL.91B)
12	Cầu Trần Hoàng Na đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Trần Hoàng Na nối dài)
13	Cầu Ba Láng đơn nguyên 2: bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường vành đai phía tây và quốc lộ 61C
14	Cầu Đại Ngãi 1
15	Cầu qua sông Hậu kết nối cao tốc TPHCM - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng
16	Cầu Châu Thành qua sông Hậu kết nối tuyến liên tỉnh Ngã Bảy - Châu Thành - Trà Ôn - Long Hồ

V. CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ

TT	Tên công trình	Quy mô, vị trí dự kiến
a	Bến xe khách hiện hữu	
1	Bến xe khách trung tâm Tp. Cần Thơ, Ô Môn, Trà Men, Long Phú, Đại Ngãi, Kế Sách	Giữ nguyên quy mô
2	Bến xe khách Vị Thanh	Nâng cấp đạt loại 1
3	Bến xe khách Vĩnh Châu, Thạnh Trị, Ngã Năm, Cù Lao Dung, Ngã Bảy, Châu Thành A	Nâng cấp đạt loại 3
4	Bến xe khách Mỹ Tú, Long Mỹ	Nâng cấp đạt loại 4
b	Bến xe khách xây dựng mới	
1	Bến xe khách Cờ Đỏ	Giai đoạn trước năm 2030 xây dựng Bến xe khách loại 4 diện tích khoảng 1 ha, sau năm 2030 mở rộng, nâng cấp thành Bến xe khách loại 1 kết hợp bãi đỗ xe hàng diện tích khoảng 10 ha tại Cờ Đỏ
2	Bến xe khách phía Tây thành phố Cần Thơ	Bến xe khách loại 1 kết hợp bãi đỗ xe hàng diện tích khoảng 10 ha, tại Vĩnh Thạnh

TT	Tên công trình	Quy mô, vị trí dự kiến
3	Bến xe khách Vị Tân	giai đoạn đến 2050, đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 1, diện tích tối thiểu 1,5ha.
4	Bến xe khách phía Nam Ngã Bảy	giai đoạn đến 2050, đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 3, diện tích tối thiểu 5.000m ² .
5	Bến xe khách Long Hưng	giai đoạn đến 2050, đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 4, diện tích tối thiểu 2.500m ² .
6	Bến xe khách Sóc Trăng	di chuyển tới vị trí mới tại vùng đô thị Sóc Trăng. Giai đoạn đến 2050, đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 1, kết hợp với bến xe hàng, diện tích khoảng 15ha.
7	Bến xe khách An Lạc Thôn	giai đoạn đến 2050, đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 4, diện tích tối thiểu 2.500m ² .
8	Bến xe khách Trần Đề	di chuyển vị trí mới, giai đoạn trước 2030 đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 4, diện tích 3,09ha.
9	Bến xe khách Hòa Tú	giai đoạn trước 2030 đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 4, diện tích tối thiểu 2.500m ² .
c	Bãi đỗ xe công cộng lớn	
1	Các bãi đỗ xe công cộng lớn theo hình thức cao tầng, ngầm hoặc trên mặt đất	Quy mô diện tích khoảng từ 0,5 ha đến 5 ha trên địa bàn thành phố
2	Các bãi đỗ xe buýt	Quy mô diện tích khoảng từ 0,5 ha đến 5 ha trên địa bàn thành phố

Ghi chú:

- Việc đầu tư các tuyến đường bộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021; Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới Đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị. Số làn xe đến năm 2030 có thể được mở rộng theo quy mô quy hoạch sau năm 2030 khi có nhu cầu thực tế.

- Lộ giới các tuyến đường được xác định theo quy định pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Các công trình bãi đỗ xe công cộng và bãi đỗ xe buýt sẽ được xác định cụ thể vị trí, quy mô và diện tích tại các quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục VI
DANH MỤC HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA

TT	Tên đường thủy	Điểm đầu	Điểm cuối	Cấp kỹ thuật
1	Sông Cần Thơ	Ngã ba sông Hậu	Ngã ba kênh Xà No	III
2	Kênh Xà No - Cái Nhứt	Ngã ba sông Cần Thơ	Ngã ba rạch Cái Tur	
	- Đoạn 1	<i>Ngã ba sông Cần Thơ</i>	<i>Ngã ba rạch Cái Nhứt</i>	<i>III</i>
	- Đoạn 2	<i>Ngã ba kênh Xà No</i>	<i>Ngã ba rạch Cái Tur</i>	<i>III</i>
3	Rạch Cái Tur	Ngã ba rạch Cái Nhứt	Ngã ba sông Cái Lớn	III
4	Kênh Tắt Cây Trâm - Trẹm Cạnh Đền (bao gồm rạch Ngã ba Đình)	Ngã ba sông Cái Lớn	Ranh tỉnh An Giang	III
5	Kênh Rạch Sỏi Hậu Giang - Ông Hiền Tà Niên (kênh Cái Sắn)	Ngã ba sông Hậu	Ranh tỉnh An Giang	III
6	Rạch Ô Môn - kênh Thị Đội - kênh Thốt Nốt	Ngã ba sông Hậu	Ranh tỉnh An Giang	
	- Đoạn 1	<i>Ngã ba sông Hậu</i>	<i>Ngã ba kênh Thị Đội Ô Môn</i>	<i>III</i>
	- Đoạn 2	<i>Ngã ba kênh Thị Đội Ô Môn</i>	<i>Ranh tỉnh An Giang</i>	<i>III</i>
7	Sông Cái Lớn	Ngã ba sông Cái Tur- kênh Tắt Cây Trâm	Ranh tỉnh An Giang	II
8	Kênh rạch Cái Côn - Quản Lộ Phụng Hiệp	Ngã ba sông Hậu	Ranh tỉnh Cà Mau	
	- Đoạn 1	<i>Ngã ba sông Hậu</i>	<i>Ngã bảy Phụng Hiệp</i>	<i>III</i>

TT	Tên đường thủy	Điểm đầu	Điểm cuối	Cấp kỹ thuật
	- <i>Đoạn 2</i>	<i>Ngã bảy Phụng Hiệp</i>	<i>Ranh tỉnh Cà Mau</i>	III
9	Sông rạch Đại Ngãi - Cỏ Cò (bao gồm kênh Phú Hữu - Bãi Xàu, rạch Thạnh Lợi, Ba Xuyên Dù Tho)	Ngã ba sông Hậu	Ngã ba sông Cỏ Cò	III
10	Kênh Vàm Léo - Bạc Liêu - Cà Mau	Ngã ba sông Cỏ Cò	Ranh tỉnh Cà Mau	III

II. ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THÀNH PHỐ QUẢN LÝ

Stt	Tên đường thủy	Điểm đầu	Điểm cuối	Cấp kỹ thuật
a	Các tuyến hiện hữu			
1	Sông Ba Láng	Sông Cần Thơ	Kênh Xáng Mới	
	- <i>Đoạn 1</i>	<i>Sông Cần Thơ</i>	<i>Kênh Trầu Hôi</i>	IV
	- <i>Đoạn 2</i>	<i>Kênh Trầu Hôi</i>	<i>Kênh Xáng Mới</i>	IV
2	Rạch Phong Điền	Ngã ba Vàm Xáng	Rạch Cầu Nhiễm	IV
3	Rạch Cầu Nhiễm	Ngã ba rạch Cầu Nhiễm	Xã Thới Lai	V
4	Sông Trà Nóc	Sông Hậu	Sông Cần Thơ	V
5	Kênh Thốt Nốt	Sông Hậu	Kênh ranh hạt Kiên Giang	III
6	Kênh xáng Ô Môn	Sông Ô Môn	Kênh ranh hạt Kiên Giang	V
7	Kênh KH8	Sông Cần Thơ	Ranh tỉnh An Giang	VI
8	Kênh Bốn Tổng	Kênh Rạch Sỏi Hậu Giang (kênh Cái Sắn)	Kênh Thốt Nốt	VI
9	Kênh Đứng	Sông Ô Môn	Kênh Thốt Nốt	V
10	Sông Cái Lớn	Kênh Lái Hiếu	Sông Cái Tư	IV
11	Rạch Mái Dầm	Sông Hậu	Rạch Cái Muồng	IV
12	Rạch Nước Trong	Sông Cái Lớn	Rạch Cái Nhum	IV
13	Kênh Nàng Mau	Rạch Cái Muồng	Sông Cái Lớn	IV
14	Kênh Lái Hiếu	Phường Ngã Bảy	Sông Cái Lớn	IV
15	Kênh Tám Ngàn	Kênh xáng Xà No	Kênh Nàng Mau	V

Stt	Tên đường thủy	Điểm đầu	Điểm cuối	Cấp kỹ thuật
16	Kênh KH9	Kênh Mới	Ranh tỉnh An Giang	V
17	Kênh Xáng Mới	Kênh xáng Xà No	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	V
18	Kênh Bờ Tràm (kênh Một)	Kênh KH8	Kênh xáng Xà No	IV
19	Kênh Maspero (kênh Sóc Trăng)	Rạch Cái Côn	Kênh Phú Hữu - Bãi Xàu	VI
20	Kênh số 1	Ngã ba sông Hậu	Ngã ba Phụng Hiệp	V
21	Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	Xã Phú Lộc	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	V
22	Rạch Chàng Ré	Ngã ba rạch Nhu Gia	Xã Phú Lộc	VI
23	Rạch Nhu Gia	Ngã ba Dù Tho	Mỹ Phước	IV
24	Kênh Quản Lộ Nhu Gia	Ngã ba Tam Sóc	Trà Cú	IV
25	Kênh Vĩnh Châu	Sông Mỹ Thanh	Phường Vĩnh Châu	V
26	Sông Mỹ Thanh	Ngã ba sông Cổ Cò	Cửa biển Mỹ Thanh	III
27	Sông Rạch Vọp	Ngã ba sông Hậu	Ngã ba Mang Cá	V
28	Kênh Cái Trâm	Ngã ba sông Hậu	Ngã ba kênh Cái Côn Bé	V
29	Kênh Cái Côn Bé	Ngã ba kênh Cái Côn	Ngã ba Mang Cá	V
b	Các tuyến bổ sung			
30	Kênh Mang Cá	Ngã ba Mang Cá	Cầu Ba Rinh	V
31	Kênh Ba Rinh mới	Cầu Ba Rinh	Cổng Mỹ Hòa	V
32	Kênh Bà Sầm	Rạch Đại Ngãi	Kênh Cái Xe	V
33	Kênh Trà Niên	Sông Mỹ Thanh	Phường Vĩnh Châu	V
34	Kênh Lừ Bư - Giồng Dú	Nằm trên địa bàn Vĩnh Châu		V

II. CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Cảng hàng hoá

STT	Tên công trình	Vị trí dự kiến
I	Cảng hàng hóa	
a	Theo quy hoạch quốc gia	
1	Cảng Phạm Minh Lý	Sông Hậu
2	Cảng hàng hóa Thành Hưng	Sông Cần Thơ
3	Cảng lương thực sông Hậu	Sông Hậu

STT	Tên công trình	Vị trí dự kiến
4	Cảng Huỳnh Lâm	Sông Hậu
5	Cảng Phúc Thành	Sông Hậu
6	Cảng công ty vật tư Hậu Giang	Sông Hậu
7	Cảng tổng hợp Cần Thơ	Sông Hậu
8	Cảng Đại Phúc	Rạch Cái Côn
9	Cảng Vị Thanh	Sông Cái Tư
10	Cảng Sóc Trăng	Kênh Phú Hữu - Bãi Xàu
11	Cảng Long Hưng	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp
12	Cảng Cái Côn	Sông Hậu
13	Cảng Ngã Năm	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp
14	Cảng Trần Đề (cảng tổng hợp)	Sông Hậu (nhánh Trần Đề)
b	Quy hoạch thành phố	
1	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên sông Hậu	Sông Hậu
2	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên sông Hậu (nhánh Trần Đề)	Sông Hậu (nhánh Trần Đề)
3	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Xà No	Kênh Xà No
4	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Cái Sắn (kênh Rạch Sỏi Hậu Giang)	Kênh Cái Sắn (kênh Rạch Sỏi Hậu Giang)
5	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên sông Ô Môn	Sông Ô Môn
6	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Thị Đội - Ô Môn	Kênh Thị Đội - Ô Môn
7	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Thốt Nốt	Kênh Thốt Nốt
8	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Cái Côn	Kênh Cái Côn
9	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Nàng Mau	Kênh Nàng Mau
10	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên rạch Mái Dầm	Rạch Mái Dầm
11	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Lái Hiếu	Kênh Lái Hiếu
12	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên sông Cái Lớn	Sông Cái Lớn

STT	Tên công trình	Vị trí dự kiến
13	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên rạch Nước Trong	Rạch Nước Trong
14	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Bờ Tràm	Kênh Bờ Tràm
15	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh KH9	Kênh KH9
16	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Xáng Mới	Kênh Xáng Mới
17	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Tám Ngàn	Kênh Tám Ngàn
18	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên sông Ba Láng	Sông Ba Láng
19	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Maspero	Kênh Maspero
20	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Phú Hữu - Bãi Xàu	Kênh Phú Hữu - Bãi Xàu
21	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp
22	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên sông Mỹ Thanh	Sông Mỹ Thanh
23	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa khác	

2. Cảng hành khách

Stt	Tên công trình	Vị trí dự kiến
1	Cụm cảng thủy nội địa hành khách trên sông Hậu	Sông Hậu
2	Cụm cảng thủy nội địa hành khách trên sông Hậu (nhánh Trần Đề)	Sông Hậu (nhánh Trần Đề)
3	Cụm cảng thủy nội địa hành khách trên sông Cần Thơ	Sông Cần Thơ
4	Cụm cảng thủy nội địa hành khách trên kênh Maspero	Kênh Maspero
5	Cụm cảng thủy nội địa hành khách trên sông Cổ Cò	Sông Cổ Cò, kênh Phú Hữu Bãi Xàu, kênh Vàm Lèo - Bạc Liêu
6	Cụm cảng du thuyền	Trên các sông, kênh của thành phố
7	Cụm cảng thủy nội địa hành khách khác	

Ghi chú:

- Việc đầu tư các công trình, dự án đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố phải phù hợp với Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và điều chỉnh Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2021 và Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục VII
DANH MỤC HẠ TẦNG HÀNG HẢI THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. LUỒNG HÀNG HẢI

TT	Tên luồng
1	Luồng cho tàu biển tải trọng lớn vào sông Hậu (kênh Quan Chánh Bó)
2	Luồng hàng hải Định An - Cần Thơ
3	Luồng hàng hải Trần Đề

II. CẢNG BIỂN

TT	Tên cảng biển
1	Khu bến Cái Cui
2	Khu bến Hoàng Diệu, Bình Thủy
3	Khu bến Trà Nóc, Ô Môn
4	Bến cảng Thốt Nốt
5	Bến cảng khách quốc tế Cần Thơ
6	Khu bến Hậu Giang
7	Khu bến Đại Ngãi
8	Khu bến Kế Sách
9	Khu bến Trần Đề

III. CẢNG CẠN

TT	Tên cảng cạn	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
1	Cảng cạn Châu Thành	Xã Châu Thành	33
2	Cảng cạn Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh	KCN Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh	10
3	Cảng cạn Cờ Đỏ - Thốt Lai	KCN Cờ Đỏ - Thốt Lai	10
4	Cảng cạn khác		

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Hệ thống cảng biển và luồng hàng hải trên địa bàn thành phố phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam và Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 và Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024; Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và điều chỉnh Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2021 và Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan;

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục VIII
DANH MỤC ĐƯỜNG SẮT THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

TT	Tên đường thủy	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Tuyến thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau	Ranh tỉnh Vĩnh Long	Ranh tỉnh Cà Mau
	- Đoạn 1	Ranh tỉnh Vĩnh Long	Ga Cần Thơ
	- Đoạn 2	Ga Cần Thơ	Ranh tỉnh Cà Mau
2	Tuyến nhánh chuyên dụng kết nối cảng Trần Đề	Tuyến TP Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau	Cảng Trần Đề

II. ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

TT	Tên đường sắt	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Tuyến số 1 (Ninh Kiều - Thốt Nốt)	P. Ninh Kiều	P. Thốt Nốt
2	Tuyến số 2 (Ga Cần Thơ - Ô Môn)	Ga Cần Thơ	Phường Ô Môn
3	Tuyến số 3 (Hưng Phú - ga Cần Thơ - KCN Vĩnh Thạnh)	P. Hưng Phú	KCN Vĩnh Thạnh
4	Tuyến số 4 (Ga Cần Thơ - Trần Đề)	Ga Cần Thơ	Cảng Trần Đề

III. GA CẦN THƠ

TT	Tên công trình	Quy mô, vị trí dự kiến
1	Nhà ga Cần Thơ	Diện tích khoảng 60 ha trở lên, tại phường Hưng Phú
2	Quỹ đất dự kiến phát triển đô thị gắn với nhà ga, đường sắt Cần Thơ	Diện tích khoảng 1.000 ha, tại phường Hưng Phú, Cái Răng
3	Quỹ đất dự kiến phát triển logistics gắn với nhà ga Cần Thơ	Diện tích khoảng 50 ha trở lên, tại phường Hưng Phú

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Hệ thống đường sắt thành phố Cần Thơ và việc đầu tư các công trình, dự án đường sắt trên địa bàn thành phố phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường sắt và Điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021, Quyết định số 2404/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2025 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục IX
DANH MỤC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Tên	Quy mô
1	Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ	Đến năm 2030, đạt cấp 4E (theo tiêu chuẩn của ICAO) và sân bay quân sự cấp II, công suất khai thác 7 triệu hành khách/năm với diện tích sử dụng đất khoảng 390ha; Đến năm 2050, đạt công suất khoảng 18-20 triệu hành khách/năm với diện tích sử dụng đất khoảng 730ha.
2	Sân bay chuyên dụng	Phục vụ nhu cầu bay cá nhân, du lịch, cứu hộ cứu nạn và vùng nước dành cho thủy phi cơ trên sông Hậu tại các khu vực có tiềm năng về du lịch: Hưng Phú, Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt, Trần Đề,...

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Hệ thống cảng hàng không, sân bay thành phố Cần Thơ và việc đầu tư các công trình, dự án cảng hàng không, sân bay trên địa bàn thành phố phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2023; Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 1714/QĐ-BXD ngày 07 tháng 10 năm 2025 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẤP ĐIỆN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

A. NGUỒN ĐIỆN

TT	Danh mục công trình	Quy mô (MW)
I	NHIỆT ĐIỆN THAN	3.320
1	Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	1.200
2	Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 2	2.120
II	NHIỆT ĐIỆN KHÍ	3.810
1	Nhà máy nhiệt điện Ô Môn I* (thay nhiên liệu khí)	660
2	Nhà máy nhiệt điện TBKHH Ô Môn II	1.050
3	Nhà máy nhiệt điện TBKHH Ô Môn III	1.050
4	Nhà máy nhiệt điện TBKHH Ô Môn IV	1.050
III	ĐIỆN GIÓ TRÊN BỜ VÀ GẦN BỜ	2.461
1	Nhà máy Điện gió Lạc Hòa giai đoạn 1 (phần còn lại)	5
2	Nhà máy Điện gió số 3	29,4
3	Nhà máy Điện gió Công Lý tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 1	30
4	Nhà máy Điện gió Lạc Hòa 2 (phần còn lại)	6,4
5	Nhà máy Điện gió Số 2 - Sóc Trăng	30
6	Nhà máy Điện gió Số 18	22,4
7	Nhà máy Điện gió Số 7 - Giai đoạn 2	90
8	Nhà máy Điện gió Số 11	100,80
9	Nhà máy Điện gió Trần Đề	50
10	Nhà máy Điện gió Sông Hậu	50
11	Nhà máy Điện gió Sóc Trăng 16	40
12	Nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1	50
13	Cụm Nhà máy Điện gió Phú Cường 1A và 1B	200
14	Nhà máy Điện gió Sóc Trăng 4	350

TT	Danh mục công trình	Quy mô (MW)
15	Nhà máy Điện gió gần bờ biển xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu	129
16	Điện gió Vĩnh Hải 1	400
17	Điện gió Vĩnh Hải 2	270
18	Điện gió Lạc Hòa 3	50
19	Điện gió Mỹ Thanh	68
20	Điện gió Vĩnh Tân	200
21	Nhà máy Điện gió khu vực bãi bồi ven biển Phường 2, Xã Lạc Hòa, Thị xã Vĩnh Châu	30
22	Nhà máy Điện gió khu vực gần bờ biển Phường Vĩnh Phước, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Vĩnh Châu	30
23	Nhà máy Điện gió khu vực rừng phòng hộ và bãi bồi Xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu	30
24	Nhà máy Điện gió Long Mỹ 1	100
25	Nhà máy Điện gió Sao Mai 1	100
IV	ĐIỆN MẶT TRỜI TẬP TRUNG	582
1	ĐMT Phân trường Thạnh Trị	50
2	ĐMT trời tập trung	50
3	ĐMT Sao Mai 1	50
4	ĐMT Vị Tân 1	40
5	ĐMT Hồ nước ngọt	20
6	ĐMT Sao Mai 1 mở rộng	172
7	ĐMT Sao Mai 2	200
V	ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI	1.405
1	Các hệ thống điện mặt trời áp mái của hộ dân, tổ chức trên địa bàn thành phố	462
2	Các hệ thống điện mặt trời áp mái của hộ dân, tổ chức trên địa bàn thành phố	943
VI	ĐỐT RÁC PHÁT ĐIỆN	40
1	Nhà máy Điện rác Hậu Giang (lắp máy 2)	6
2	Nhà máy Phát điện sử dụng chất thải rắn	16
3	Nhà máy Phát điện sử dụng chất thải rắn (giai đoạn 2 - Mở rộng công suất)	9

TT	Danh mục công trình	Quy mô (MW)
4	Nhà máy Điện rác Thới Lai	9
VII	ĐIỆN SINH KHỐI	185
1	Điện sinh khối Cần Thơ	150
2	Điện trấu Hậu Giang	10
3	Điện sinh khối Sóc Trăng	8
4	Điện sinh khối Sóc Trăng (giai đoạn 2)	17
TỔNG CỘNG		11.803

B. LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

B.1. Lưới điện 500kV

1. Trạm biến áp 500kV

TT	Danh mục	Quy mô (MVA)	Ghi chú
1	TBA 500kV Sóc Trăng	1.800	Xây dựng mới
2	TBA 500kV Thốt Nốt	1.800	Xây dựng mới
3	TBA 500kV Long Phú	1.800	Xây dựng mới
4	TBA 500kV Thốt Nốt	2.700	Cải tạo, nâng công suất
TỔNG CỘNG		8.100	

2. Đường dây 500kV

TT	Danh mục	Ghi chú
1	Trà Vinh 1 - Sông Hậu	Xây dựng mới
2	Ô Môn - Thốt Nốt	Xây dựng mới
3	Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu II - Sông Hậu	Xây dựng mới
4	Thốt Nốt - Đức Hòa	Xây dựng mới
5	LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt	Xây dựng mới
6	Sóc Trăng - Long Phú	Xây dựng mới
7	Sông Hậu - Đức Hòa (giai đoạn 2)	Xây dựng mới

B.2. Lưới điện 220kV

1. Trạm biến áp 220kV truyền tải

TT	Danh mục	Quy mô (MVA)	Ghi chú
1	Trần Đề	500	Xây dựng mới trên cơ sở Trạm cắt 110kV Trần Đề đồng bộ các công trình NLTT
2	Vĩnh Thạnh	500	Xây dựng mới
3	Thốt Nốt 2	375	Cải tạo, nâng công suất
4	Trà Nóc	500	Cải tạo, nâng công suất
5	Châu Thành (Hậu Giang)	500	Cải tạo, nâng công suất
6	Vĩnh Châu 2	500	Cải tạo, nâng công suất
7	Vị Thanh	250	Xây dựng mới
8	Thốt Nốt 2	500	Cải tạo, nâng công suất
9	Vĩnh Thạnh	1.000	Cải tạo nâng công suất đồng bộ với KCN VSIP, Phú Mỹ
10	Hậu Giang	1.000	Cải tạo, nâng công suất
	TỔNG CỘNG	5.625	

2. Trạm biến áp 220kV nguồn năng lượng tái tạo

TT	Danh mục	Quy mô (MVA)	Ghi chú
1	Nhà máy Điện gió Long Mỹ 1	125	Xây dựng mới
2	Nhà máy Điện gió Sao Mai 1	125	Xây dựng mới
3	Cụm Nhà máy Điện gió Phú Cường 1A và 1B	250	Xây dựng mới
4	Nhà máy Điện gió Sóc Trăng 4	500	Xây dựng mới
5	Nhà máy điện gió khu vực gần bờ biển Xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu	250	Xây dựng mới
6	Điện gió Vĩnh Hải 1	500	Xây dựng mới
7	Điện gió Vĩnh Hải 2	500	Xây dựng mới
8	Điện gió Vĩnh Tân	250	Xây dựng mới
9	ĐMT Sao Mai 1 mở rộng	250	Xây dựng mới
10	ĐMT Sao Mai 2	250	Xây dựng mới
	TỔNG CỘNG	3.000	

3. Đường dây 220kV truyền tải

TT	Danh mục	Ghi chú
1	Đường dây 220kV từ TBA 500kV Thốt Nốt - Lấp Vò	Xây dựng mới
2	Trần Đề - 500kV Long Phú	Xây dựng mới
3	Vĩnh Châu - Rẽ Long Phú - Sóc Trăng (mạch 2)	Xây dựng mới
4	Đường dây 220kV đấu nối TBA 220kV Vĩnh Thạnh (KCN VSIP)	Xây dựng mới
5	Đường dây 220kV đấu nối TBA 220kV Hậu Giang	Xây dựng mới
6	Vị Thanh - Rẽ Ô Môn - Nhà máy nhiệt điện Cà Mau	Xây dựng mới
7	Sóc Trăng 2 -500kV Long Phú	Xây dựng mới
8	Nâng khả năng tải Sóc Trăng - Châu Thành (Hậu Giang)	Cải tạo, nâng cấp
9	Nâng khả năng tải Bạc Liêu – Sóc Trăng	Cải tạo, nâng cấp

4. Đường dây 220kV đấu nối năng lượng tái tạo

TT	Danh mục	Ghi chú
1	ĐG Long Mỹ 1 - Rẽ NĐ Cà Mau - Ô Môn 2	Xây dựng mới đồng bộ ĐG Long Mỹ 1
2	ĐG Sóc Trăng 4 – Vĩnh Châu	Xây dựng mới
3	ĐG Phú Cường 1A, 1B – Vĩnh Châu	Xây dựng mới
4	ĐG khu vực gần bờ biển Xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu - 220kV Vĩnh Châu	Xây dựng mới
5	ĐG Vĩnh Hải 1 - ĐG khu vực gần bờ biển Xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu	Xây dựng mới tận dụng hạ tầng Nhà máy điện gió khu vực gần bờ biển Xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu - 129MW
6	ĐG Vĩnh Hải 2 - 220kV Trần Đề	Xây dựng mới

TT	Danh mục	Ghi chú
7	ĐG Vĩnh Tân - ĐG Phú Cường 1A và 1B	Xây dựng mới tận dùng hạ tầng Nhà máy Điện gió Phú Cường 1A và 1B
8	Đường dây 4 mạch đấu nối chuyển tiếp trên đường dây mạch kép 220kV Sóc Trăng 2 - Châu Thành - Ô Môn	Đồng bộ dự án Nhà máy Điện gió Sao Mai 1 mở rộng
9	Đường dây 4 mạch đấu nối chuyển tiếp trên đường dây mạch kép 220kV Nhiệt điện Cà Mau - Ô Môn	Đồng bộ dự án Nhà máy Điện gió Sao Mai 2

C. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI

1. Trạm biến áp 110kV phân phối

TT	Danh mục	Ghi chú
1	Trạm 110kV Tân Phú Thạnh và đường dây đấu nối	Đã hoàn thành (Đổi tên dự án; Giai đoạn 1: 1*40MVA)
2	TBA 110kV Cờ Đỏ và đấu nối trạm 110kV Cờ Đỏ	Xây dựng mới (Đang thi công giai đoạn 1)
3	Trạm 110/22kV Bình Thủy (Lắp MBA T2 63MVA) và Đường dây 110kV Trà Nóc - Bình Thủy	Cải tạo, nâng công suất (Đường dây: 1 mạch * 0,1km)
4	TBA 110kV Long Hưng và đường dây 110kV đấu nối	Xây dựng mới
5	Trạm biến áp 110kV Thuận An và đường dây 110kV đấu nối	Xây dựng mới
6	TBA 110kV Tân Phú và đường dây 110kV đấu nối	Công suất 2*40 MVA đầu tư lắp trước 1*40MVA
7	TBA 110kV Phước Thới và đường dây 110kV đấu nối	Xây dựng mới
8	TBA 110kV Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T1 và đường dây 110kV đấu nối	Xây dựng mới
9	TBA 110kV Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T2 và đường dây 110kV đấu nối	Xây dựng mới
10	TBA 110kV Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T3 và đường dây 110kV đấu nối	Xây dựng mới

TT	Danh mục	Ghi chú
11	TBA 110kV Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T4 và đường dây 110kV đấu nối	Xây dựng mới
12	TBA 110kV Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T5 và đường dây 110kV đấu nối	Xây dựng mới
13	TBA 110kV Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T6 và đường dây 110kV đấu nối	Xây dựng mới
14	TBA 110kV Ô Môn và đường dây 110kV đấu nối	Xây dựng mới
15	TBA 110kV Ninh Kiều	Xây dựng mới
16	TBA 110kV Thép Sunpro	Xây dựng mới
17	TBA 110kV Long Thạnh	Xây dựng mới
18	TBA 110kV Đông Phú	Xây dựng mới
19	TBA 110kV Đông Phú 2	Xây dựng mới
20	TBA 110kV Long Mỹ 2	Xây dựng mới
21	TBA 110kV Phú Hữu	Xây dựng mới
22	TBA 110kV Tân Hòa	Xây dựng mới
23	TBA 110kV Tân Bình 1	Xây dựng mới
24	TBA 110kV Phụng Hiệp 2	Xây dựng mới
25	TBA 110kV Hòa Tú 1	Xây dựng mới
26	TBA 110kV Mỹ Phước	Xây dựng mới
27	Trạm 110kV Kế Sách và đường dây 110kV Phụng Hiệp - Kế Sách	Xây dựng mới (Giai đoạn 1 lắp 01 MBA 40MVA)
28	TBA 110kV Cảng Cái Côn	Xây dựng mới
29	TBA 110kV Khu công nghiệp Sông Hậu	Xây dựng mới
30	TBA 110kV Xây Đá B	Xây dựng mới
31	TBA 110kV Lai Hòa	Xây dựng mới
32	TBA 110kV Mỹ Thanh	Xây dựng mới
33	TBA 110kV Thạnh Thới An	Xây dựng mới
34	TBA 110kV Khu công nghiệp Đại Ngãi	Xây dựng mới
35	TBA 110kV Ngã Năm	Xây dựng mới
36	TBA 110kV Thạnh Phú	Xây dựng mới
37	Trạm cắt 110kV Trần Đề và đường dây đấu nối (dự trù là sân phân phối cho TBA 220kV Trần Đề)	Xây dựng mới 10 ngăn lộ
38	TBA 110/22kV Cần Thơ	Cải tạo, nâng công suất

TT	Danh mục	Ghi chú
39	TBA 110/22kV Hưng Phú	Cải tạo, nâng công suất
40	TBA 110/22kV Long Hòa	Cải tạo, nâng công suất
41	TBA 110/22kV KCN Cần Thơ	Cải tạo, nâng công suất
42	TBA 110/22kV Thốt Nốt	Cải tạo, nâng công suất
43	TBA 110/22kV Thới Thuận	Cải tạo, nâng công suất
44	TBA 110/22kV Vĩnh Thạnh	Cải tạo, nâng công suất
45	TBA 110/22kV Thới Lai	Cải tạo, nâng công suất
46	TBA 110/22kV Phong Điền	Cải tạo, nâng công suất
47	TBA 110/22kV Cái Răng	Cải tạo, nâng công suất
48	TBA 110kV Long Mỹ	Cải tạo, nâng công suất
49	TBA 110kV Vị Thanh	Cải tạo, nâng công suất
50	TBA 110kV Châu Thành	Cải tạo, nâng công suất
51	TBA 110kV Phú Xuân (Châu Thành 2)	Cải tạo, nâng công suất
52	TBA 110kV Phụng Hiệp	Cải tạo, nâng công suất
53	TBA 110kV Tân Phú Thạnh	Cải tạo, nâng công suất
54	TBA 110kV Mỹ Xuyên	Cải tạo, nâng công suất
55	TBA 110kV Sóc Trăng	Cải tạo, nâng công suất
56	TBA 110kV Khu công nghiệp An Nghiệp	Cải tạo, nâng công suất
57	TBA 110kV Đại Ngãi	Cải tạo, nâng công suất
58	TBA 110kV Cù Lao Dung	Cải tạo, nâng công suất
59	TBA 110kV Trần Đề	Cải tạo, nâng công suất
60	TBA 110kV Vĩnh Châu	Cải tạo, nâng công suất
61	TBA 110kV Cờ Đỏ	Cải tạo, nâng công suất
62	Trạm 110kV Kế Sách	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 63MVA)
63	Dự phòng phát sinh TBA xây dựng mới, cải tạo nâng công suất	Ứng phó kích bản phụ tải tăng cao
64	TBA 110kV Vị Thanh 2	Xây dựng mới
65	TBA 110kV Ninh Kiều	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 63MVA)

TT	Danh mục	Ghi chú
66	TBA 110kV Long Thạnh	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 63MVA)
67	TBA 110kV Long Mỹ 2	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 63MVA)
68	TBA 110kV Phú Hữu	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 63MVA)
69	TBA 110kV Tân Hòa	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 63MVA)
70	TBA 110kV Tân Bình 1	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 63MVA)
71	TBA 110kV Phụng Hiệp 2	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 40MVA)
72	TBA 110kV Hòa Tú 1	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 40MVA)
73	TBA 110kV Mỹ Phước	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 40MVA)
74	TBA 110kV Cảng Cái Côn	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 40MVA)
75	TBA 110kV Khu công nghiệp Sông Hậu	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 40MVA)
76	TBA 110kV Lai Hòa	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 63MVA)
77	TBA 110kV Khu công nghiệp Đại Ngãi	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 63MVA)
78	TBA 110kV Thạnh Phú	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 40MVA)
79	Dự phòng phát sinh TBA xây dựng mới, cải tạo nâng công suất	Ứng phó kích bản phụ tải tăng cao

2. Trạm biến áp 110kV đầu nối năng lượng tái tạo

TT	Danh mục	Ghi chú
1	Nhà máy Điện gió Số 2 – Sóc Trăng	Xây dựng mới
2	Nhà máy Điện gió Số 18	Xây dựng mới
3	Nhà máy Điện gió Số 7 - Giai đoạn 2	Xây dựng mới
4	Nhà máy Điện gió Số 11	Xây dựng mới
5	Nhà máy Điện gió Trần Đề	Xây dựng mới
6	Nhà máy Điện gió Sông Hậu	Xây dựng mới
7	Nhà máy Điện gió Sóc Trăng 16	Xây dựng mới
8	Nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1	Xây dựng mới
9	Điện gió Lạc Hòa 3	Xây dựng mới
10	Điện gió Mỹ Thanh	Xây dựng mới
11	Nhà máy điện gió khu vực bãi bồi ven biển Phường 2, Xã Lạc Hòa, Thị xã Vĩnh Châu	Xây dựng mới
12	Nhà máy điện gió khu vực gần bờ biển Phường Vĩnh Phước, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Vĩnh Châu	Xây dựng mới
13	Nhà máy điện gió khu vực rừng phòng hộ và bãi bồi Xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu	Xây dựng mới
14	ĐMT Phân trường Thạnh Trị	Xây dựng mới
15	ĐMT tập trung	Xây dựng mới
16	ĐMT Sao Mai 1	Xây dựng mới
17	ĐMT Vị Tân 1	Xây dựng mới
18	ĐMT Hồ nước ngọt	Xây dựng mới
19	Điện sinh khối Cần Thơ	Xây dựng mới
20	Điện sinh khối Cần Thơ	Cải tạo, nâng công suất (Lắp thêm MBA 63MVA)
TỔNG CỘNG		

3. Đường dây 110kV phân phối

TT	Danh mục	Ghi chú
1	Trạm 110kV Tân Phú Thạnh và đường dây đấu nối	Đã hoàn thành (Đổi tên dự án; Công suất 2*40MVA; Giai đoạn lắp 01 MBA 40MVA)
2	Lộ ra 220kV Châu Thành chuyển tiếp trên đường dây 110kV Vị Thanh - Long Mỹ	Đã hoàn thành (Đổi tên dự án)
3	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Sóc Trăng 2 - Vĩnh Châu	Đã hoàn thành (Đổi tên dự án)
4	Đường dây 110kV Trần Đề - Trạm 220kV Sóc Trăng	Đang thi công
5	TBA 110kV Cờ Đỏ và đấu nối trạm 110kV Cờ Đỏ	Đang thi công
6	Đường dây 110kV trạm 220kV Thốt Nốt - trạm 110kV Thới Lai	Đang thi công
7	Cải tạo đường dây 110kV Thốt Nốt 2 - Thốt Nốt từ 01 mạch thành 02 mạch	Đã hoàn thành
8	Phân pha dây dẫn ĐD 110kV Ô Môn – Sông Hậu - điểm đấu nối trạm 220kV Sa Đéc	Đã hoàn thành
9	Trạm 110/22kV Bình Thủy (Lắp MBA T2 63MVA) và Đường dây 110kV Trà Nóc - Bình Thủy	Đang thi công (Lắp MBA T2 63MVA)
10	Trạm 110kV Kế Sách và đường dây 110kV Phụng Hiệp - Kế Sách	Đang thi công
11	Đường dây 110kV Đấu nối trạm Ngã Năm	Xây dựng mới
12	Đường dây 110kV Đấu nối trạm Hòa Tú 1	Xây dựng mới Đồng bộ với TBA
13	Đường dây 110kV Cảng Cái Côn - TBA 110kV Kế Sách	Xây dựng mới
14	Đường dây 110kV Cảng Cái Côn - TBA 110kV Đại Ngãi	Xây dựng mới
15	Đường dây 110kV Đấu nối trạm Lai Hòa	Xây dựng mới
16	Đường dây 110kV Đấu nối trạm Mỹ Phước	Xây dựng mới
17	Đường dây 110kV Đấu nối trạm Thạnh Phú	Xây dựng mới

TT	Danh mục	Ghi chú
18	Đường dây 110kV Trạm 110kV Cảng Cái Côn đi Châu Thành 2 TBA 110kV Kế Sách (thay thế đường dây Châu Thành 2)	Xây dựng mới
19	Đường dây 110kV Đầu nối trạm Khu công nghiệp Sông Hậu	Xây dựng mới
20	Đường dây 110kV Đầu nối trạm Xây Đá B	Xây dựng mới
21	Đường dây 110kV Đầu nối trạm Mỹ Thanh	Xây dựng mới
22	Đường dây 110kV Đầu nối trạm Thạnh Thới An	Xây dựng mới
23	Đường dây 110kV Đầu nối trạm Khu công nghiệp Đại Ngãi	Xây dựng mới
24	Lộ ra TBA 220kV Vĩnh Châu	Xây dựng mới
25	Đường dây 110kV TBA 110kV Hòa Tú 1 - TBA 110kV Thạnh Phú	Xây dựng mới Đồng bộ với danh mục TBA Hòa Tú 1
26	Đường dây 110kV Trạm cắt Trần Đề - Khu công nghiệp Đại Ngãi (thay thế trạm 220kV Trần Đề - Khu công nghiệp Đại Ngãi)	Xây dựng mới
27	Lộ ra TBA 220kV Trần Đề	Xây dựng mới
28	Đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Vĩnh Châu	Xây dựng mới (Đi chung cột đường dây 220kV trạm Cần Thơ - Trạm 220kV Trà Nóc chỉ kéo dây)
29	Đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ - trạm 220kV Ô Môn	Xây dựng mới
30	Đường dây 110kV Đầu nối trạm 110kV Ninh Kiều	Xây dựng mới
31	Đường dây 110kV Long Xuyên 2 - Thới Thuận - Thốt Nốt 2	Xây dựng mới
32	Đường dây 110kV Đầu nối KCN Vĩnh Thạnh giai đoạn 1 T1 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV 173 Long Xuyên 2 - 172 Vĩnh Thạnh)	Xây dựng mới

TT	Danh mục	Ghi chú
33	Đường dây 110kV Đầu nối KCN Vĩnh Thạnh giai đoạn 1 T2 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV 173 Long Xuyên 2 - 172 Vĩnh Thạnh)	Xây dựng mới
34	Đường dây 110kV Đầu nối KCN Vĩnh Thạnh giai đoạn 1 T3 (Đầu nối về thanh cái 110kV TBA 220kV Vĩnh Thạnh - KCN VSIP)	Xây dựng mới
35	Đường dây 110kV Đầu nối KCN Vĩnh Thạnh giai đoạn 1 T4 (Đầu nối về thanh cái 110kV TBA 220kV Vĩnh Thạnh - KCN VSIP)	Xây dựng mới
36	Đường dây 110kV Đầu nối KCN Vĩnh Thạnh giai đoạn 1 T5 (Đầu nối về thanh cái 110kV TBA 220kV Vĩnh Thạnh - KCN VSIP)	Xây dựng mới
37	Đường dây 110kV Đầu nối KCN Vĩnh Thạnh giai đoạn 1 T6 (Đầu nối về thanh cái 110kV TBA 220kV Vĩnh Thạnh - KCN VSIP)	Xây dựng mới
38	Đường dây 110kV Đầu nối trạm Phụng Hiệp 2	Xây dựng mới
39	Đường dây 110kV mạch kép đầu nối trạm biến áp 110kV Thép Sunpro chuyển tiếp trên đường dây 110kV Phú Xuân (Châu Thành 2) - Trạm 220kV Cần Thơ (tiết diện đường dây 2-ACSR240)	Xây dựng mới Bổ sung, đồng bộ với tiến độ Giai đoạn 1 của Dự án Nhà máy luyện, cán Thép Sunpro
40	Đường dây 110kV Trạm 220kV Châu Thành - Trạm 110kV Thép Sunpro giai đoạn 2 (Chuyển đầu nối Trạm 110kV Thép Sunpro về Trạm 220kV Châu Thành)	Xây dựng mới
41	Đường dây 110kV Phú Xuân - Khu công nghiệp Sông Hậu Sóc Trăng - Kế Sách	Xây dựng mới
42	Đường dây 110kV Đông Phú Rẽ Trạm 220kV Cần Thơ - Phụng Hiệp (Đầu nối về Trạm 220kV Châu Thành - Phụng Hiệp)	Xây dựng mới
43	Đường dây 110kV Đông Phú 2 Rẽ Trạm 220kV Cần Thơ - Phú Xuân	Xây dựng mới

TT	Danh mục	Ghi chú
44	Đường dây 110kV Kế Sách (ST) Rẽ Trạm Phụng Hiệp - Sóc Trăng	Xây dựng mới
45	Đường dây 110kV Tân Phú (CT) Rẽ Trạm 220kV Cần Thơ - Phú Xuân	Xây dựng mới
46	Đường dây 110kV Long Thạnh Rẽ Trạm 220kV Châu Thành - Phụng Hiệp	Xây dựng mới
47	Đường dây 110kV Điện mặt trời Hòa An Rẽ Trạm 220kV Châu Thành - Long Mỹ	Xây dựng mới
48	Đường dây 110kV đấu nối Transit vào đường dây 110kV Vị Thanh - Long Mỹ	Xây dựng mới (Đường dây 110kV Điện mặt trời Hồ nước ngọt - Rẽ Điện MT Hậu Giang 1 - Vị Thanh)
49	Đường dây đấu nối Trạm 110kV Long Thạnh	Xây dựng mới
50	Đường dây 110kV Tân Bình 1 Rẽ 1 mạch Trạm 220kV Châu Thành - Điện MT Hậu Giang 1	Xây dựng mới
51	Đường dây 110kV Tân Hòa Rẽ 1 mạch Trạm 220kV Châu Thành	Xây dựng mới
52	Đường dây 110kV Long Mỹ 2 Rẽ Vị Thanh - Giồng Riềng	Xây dựng mới
53	Đường dây 110kV đấu nối TBA 110kV KCN Khánh Hòa chuyển tiếp trên đường dây 110kV Vĩnh Châu - Sóc Trăng 2	Xây dựng mới
54	Đường dây 110kV đấu nối TBA 110kV KCN Đô thị - Dịch vụ Trần Đề chuyển tiếp đường dây 110kV Trần Đề - Sóc Trăng	Xây dựng mới
55	Đường dây 110kV đấu nối TBA 110kV KCN Phú Mỹ chuyển tiếp đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Thạnh Trị - Sóc Trăng	Xây dựng mới
56	Đường dây 110kV đấu nối Trạm 110kV Phú Hữu	Xây dựng mới
57	Đường dây 110kV đấu nối Trạm 110kV Tân Hòa	Xây dựng mới

TT	Danh mục	Ghi chú
58	Đường dây 110kV đấu nối Trạm 110kV Tân Bình 1	Xây dựng mới
59	Đường dây 110kV đấu nối TBA 110kV Long Hưng	Xây dựng mới
60	Đường dây 110kV đấu nối TBA 110kV Thuận An	Xây dựng mới
61	Đường dây 110kV đấu nối TBA 110kV Tân Phú	Xây dựng mới
62	Đường dây 110kV đấu nối TBA 110kV Phước Thới	Xây dựng mới
63	Trạm 110kV Trần Đề - trạm 220kV Sóc Trăng 2	Xây dựng mới
64	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Phụng Hiệp - Kế Sách	Cải tạo, nâng cấp
65	Đường dây 110kV Long Mỹ - Mỹ Tú cải tạo 01 mạch lên 02 mạch	Cải tạo, nâng cấp
66	Đường dây 110kV Sóc Trăng 2 - Mỹ Tú (01 mạch lên 02 mạch)	Cải tạo, nâng cấp
67	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đại Ngãi - KCN Đại Ngãi từ 01 mạch lên 02 mạch	Cải tạo, nâng cấp
68	Nâng khả năng tải đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Thạnh Trị - Sóc Trăng (Nâng khả năng tải đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Vĩnh Trạch Đông - Thạnh Trị - Sóc Trăng; Dây AC185 thành dây phân pha 2*AC185)	Cải tạo, nâng cấp
69	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV 2 mạch Sóc Trăng 2 - Sóc Trăng từ AC240 thành 2*AC240 (tiết diện 2*240)	Cải tạo, nâng cấp
70	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Sóc Trăng 2 - Vĩnh Châu (Tiết diện 2*240)	Cải tạo, nâng cấp
71	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Sóc Trăng 2 - Đại Ngãi	Cải tạo, nâng cấp
72	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV KCN Đại Ngãi - Cù Lao Dung	Cải tạo, nâng cấp
73	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV Cù Lao Dung - Trần Đề	Cải tạo, nâng cấp

TT	Danh mục	Ghi chú
74	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Ô Môn - KCN Cần Thơ - Trà Nóc	Cải tạo, nâng cấp
75	Cải tạo, nâng cấp đường dây 110kV trạm 220kV Ô Môn - trạm 220kV Trà Nóc từ 01 mạch lên 02 mạch	Cải tạo, nâng cấp
76	Cải tạo, nâng cấp ĐD Trạm 220kV Ô Môn - Trạm 110kV Phát thanh Nam Bộ - Trạm 220kV Thốt Nốt	Cải tạo, nâng cấp
77	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ - Cần Thơ	Cải tạo, nâng cấp
78	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ – Phú Xuân - Hưng Phú - 220kV Cần Thơ	Cải tạo, nâng cấp
79	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Châu Thành 2 - Phụng Hiệp KCN An Nghiệp – Sóc Trăng	Cải tạo, nâng cấp
80	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ - Tân Phú Thạnh - Châu Thành - 220kV Châu Thành 2	Cải tạo, nâng cấp
81	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Trà Nóc - 171 Long Hòa	Cải tạo, nâng cấp
82	Đường dây 110kV TBA 110kV Mỹ Thạnh - ĐG V2-2	Xây dựng mới
83	Đường dây 110kV Mạch 2 từ Trạm 220kV Sóc Trăng 2 - Xây Đá B	Xây dựng mới
84	Đường dây 110kV Vị Thanh 2 Rẽ Vị Thanh - Giồng Riềng	Xây dựng mới

4. Đường dây 110kV đầu nối năng lượng tái tạo

TT	Danh mục	Ghi chú
1	Đầu nối Nhà máy Điện gió Số 3	Xây dựng mới

TT	Danh mục	Ghi chú
2	Đầu nối Nhà máy Điện gió Số 2 – Sóc Trăng	Xây dựng mới (Sử dụng chung đường dây gom công suất của 04 dự án Nhà máy Điện gió số 2-5-6-7)
3	Đầu nối Nhà máy Điện gió Số 18	Xây dựng mới (Đường dây 110kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Vĩnh Châu - Sóc Trăng 2)
4	Đầu nối Nhà máy Điện gió Số 7 - Giai đoạn 2	Tận dụng hạ tầng dự án Nhà máy Điện gió 7 (Lắp thêm MBA)
5	Đầu nối Nhà máy Điện gió Số 11	Xây dựng mới Đầu nối về Trạm cắt 110kV Trần Đề
6	Đầu nối Nhà máy Điện gió Trần Đề	Xây dựng mới Đầu nối về Trạm cắt 110kV Trần Đề
7	Đầu nối Nhà máy Điện gió Sông Hậu	Xây dựng mới Đầu nối về Trạm cắt 110kV Trần Đề
8	Đầu nối Nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1	Xây dựng mới Đầu nối về thanh cái 110kV trạm 220kV Vĩnh Châu
9	Đầu nối Nhà máy Điện gió Sóc Trăng 16	Xây dựng mới Đầu nối về thanh cái 110kV trạm 220kV Vĩnh Châu
10	ĐG Mỹ Thanh - Trạm 110kV KCN Mỹ Thanh	Xây dựng mới Đồng bộ với tiến độ ĐG Mỹ Thanh; Trạm 110kV KCN Mỹ Thanh
11	Đầu nối Nhà máy Điện gió Lạc Hòa 3	Tận dụng hạ tầng dự án Nhà máy Điện gió Lạc Hòa giai đoạn 1 (Lắp thêm MBA)
12	Đầu nối điện gió khu vực bãi bồi ven biển Phường 2, Xã Lạc Hòa, Thị xã Vĩnh Châu (cũ)	Tận dụng hạ tầng dự án Nhà máy Điện gió Lạc Hòa giai đoạn 1 (Lắp thêm MBA)

TT	Danh mục	Ghi chú
13	Đầu nối Nhà máy Điện gió khu vực bãi bồi ven biển Phường Vĩnh Phước, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Vĩnh Châu (cũ)	Tận dụng hạ tầng dự án Nhà máy Điện gió Số 2 (Lắp thêm MBA)
14	Đầu nối Nhà máy Điện gió khu vực rừng phòng hộ và bãi bồi Xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu (cũ)	Tận dụng hạ tầng dự án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (Lắp thêm MBA)
15	Đầu nối Nhà máy ĐMT Phân trường Thạnh Trị	Xây dựng mới Đường dây đầu nối về TBA 110kV Thạnh Trị
16	Đầu nối Nhà máy Phát điện sử dụng chất thải rắn (02 giai đoạn)	Xây dựng mới Đầu nối chuyển tiếp đường 110kV Sóc Trăng 2 - Mỹ Tú
17	Đường dây 110kV đầu nối Trạm cắt 110kV Trần Đề đầu nối Transit vào đường dây 110kV Trần Đề - Sóc Trăng	Xây dựng mới
18	Đường dây 110kV mạch đơn đầu nối Transit vào đường dây 110kV Long Mỹ - Hồng Dân	Đầu nối đồng bộ ĐMT Sao Mai 1
19	Đường dây 110kV mạch đơn đầu nối Transit vào đường dây 110kV Giồng Riềng - Vị Thanh	Đầu nối đồng bộ ĐMT Vị Tân 1
20	Đường dây 110kV đầu nối Transit vào đường dây 110kV Vị Thanh - Long Mỹ	Đầu nối đồng bộ ĐMT Hồ nước ngọt
21	Đầu nối ĐMT tập trung	Đầu nối về thanh cái 110kV KCN VSIP
22	Đầu nối Nhà máy Điện sinh khối Cần Thơ	Xây dựng mới (Đường dây 110kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Vĩnh Thạnh - Long Xuyên 2)

Ghi chú:

- Hạ tầng cấp điện Thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và việc đầu tư, quy mô, số lượng các dự án phát triển nguồn điện, các trạm biến áp, các tuyến đường dây trên địa bàn phải phù hợp, đồng bộ với Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính

phủ; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh ngày 30/5/2025 của Bộ Công Thương; phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng tại Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định; Phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Các quy hoạch liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển.

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các công trình, dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG
VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Tên công trình
1	Trung tâm bưu chính vùng
2	Trung tâm dữ liệu vùng
3	Khu Công nghệ thông tin tập trung thành phố Cần Thơ
4	Khu Công nghệ số Hậu Giang

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục XII
DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THÀNH PHỐ CẦN THƠ
DỰ KIẾN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Tên công trình, dự án	Vị trí dự kiến
I	CÁC CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG, ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	
1	Đầu tư Kè phòng, ứng phó biến đổi khí hậu dọc sông Hậu - thành phố ven sông	Các phường Thốt Nốt, Thuận Hưng, Thới Long, Ô Môn, Phước Thới, Thới An Đông, Bình Thủy, Cái Khế, Ninh Kiều, Hưng Phú và các khu vực hình thành đô thị khác.
2	Đầu tư Kè phòng, ứng phó biến đổi khí hậu dọc 02 bờ sông Cần Thơ	Các phường Ninh Kiều, Tân An, An Bình, Hưng Phú, Cái Răng; xã Phong Điền, Nhơn Ái
3	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến rạch Cái Sơn - Mương Khai	Các phường An Bình, Long Tuyền
4	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến sông Bình Thủy	Các phường Bình Thủy, Long Tuyền
5	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến sông Trà Nóc	Các phường Thới An Đông, Phước Thới
6	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến sông Rạch Cam	Phường Bình Thủy
7	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến sông Rạch Chanh	Phường Phước Thới
8	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến sông Ô Môn	Các phường Ô Môn; xã Trường Thành, xã Thới Lai
9	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến sông Bằng Tăng	Phường Thới Long
10	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh Thơm Rơm	Các phường Thuận Hưng, Thới Long; xã Trung Hưng, Thới Hưng

TT	Tên công trình, dự án	Vị trí dự kiến
11	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh Càn Thơ Bé	Các phường Thuận Hưng; xã Trung Hưng
12	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh Thốt Nốt	Các phường Thốt Nốt, Thuận Hưng, Trung Nhất; xã Trung Hưng, Thới Hưng, Thạnh Phú, Cờ Đỏ
13	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến sông Bò Ót	Phường Thốt Nốt
14	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh Cái Sắn	Phường Thốt Nốt; xã Vĩnh Trinh, Vĩnh Thạnh, Thạnh Quới, Thạnh An
15	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến rạch Cái Sâu	Phường Hưng Phú
16	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến rạch Bùng Bình	Phường Hưng Phú
17	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến rạch Bến Bạ	Phường Hưng Phú
18	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến rạch Cái Cui	Phường Hưng Phú
19	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh Mái Dầm	Xã Châu Thành
20	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh Cái Côn	Các phường Ngã Bảy, Đại Thành; xã Phú Hữu, An Lạc Thôn
21	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh Nàng Mau	Các xã Phú Hữu, Thạnh Hoà, Tân Bình, Phụng Hiệp, Vĩnh Tường, Hoà An, Vị Thủy, Vĩnh Thuận Đông
22	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh Xáng Xà No	Các phường Vị Tân, Vị Thanh; xã Nhơn Ái, Tân Hoà, Vị Thanh 1
23	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh Xáng Lái Hiếu	Các Xã Tân Bình, Hòa An, Phương Bình, Tân Phước Hưng, Hiệp Hưng, Thạnh Hòa, Vĩnh Viễn, Lương Tâm, Xà Phiên

TT	Tên công trình, dự án	Vị trí dự kiến
24	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh Rạch Mọp	Xã Nhơn Mỹ
25	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh Rạch Vọp	Các xã An Lạc Thôn, Thới An Hội, Đại Hải
26	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến sông Cái Trung	Xã Thới An Hội
27	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến sông Mỹ Thạnh	Các Phường Khánh Hoà; xã Trần Đề, Lịch Hội Thượng, Vĩnh Hải, Liêu Tú, xã Thạnh Thới An
28	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh An Mỹ	Các xã Nhơn Mỹ, An Lạc Thôn, Kế Sách, Thới An Hội, Đại Ngãi, Phong Năm, Phú Tâm, Thận Hòa, Hồ Đắc Kien
29	Đầu tư Kè chống sạt lở 02 bờ sông tuyến kênh số 01	Các xã Nhơn Mỹ, An Lạc Thôn, Kế Sách, Thới An Hội, Đại Ngãi, Phong Năm
30	Đầu tư Xây dựng kè chống sạt lở tại các điểm xung yếu trên địa bàn tỉnh	Thành phố Cần Thơ
II	CÁC CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG SẠT LỞ BỜ BIỂN, ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	
1	Đầu tư Kè chống sạt lở bờ biển Đông	Các phường Vĩnh Châu, Vĩnh Phước; xã Lai Hoà, Vĩnh Hải
III	CÁC CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG SẠT LỞ KẾT HỢP ĐÊ BAO KHÉP KÍN BẢO CÁC KHU VỰC CỒN	
1	Đầu tư Xây dựng hệ thống Kè, đê bao bảo vệ Cồn Tân Lộc	Phường Tân Lộc
2	Đầu tư Xây dựng hệ thống Kè, đê bao bảo vệ Cồn Sơn	Phường Bình Thủy
3	Đầu tư Xây dựng hệ thống Kè, đê bao bảo vệ Cù lao Dung	Các xã Cù Lao Dung, An Thạnh
4	Đầu tư Xây dựng hệ thống Kè, đê bao bảo vệ các cù lao trên địa bàn các Xã Phong Năm, Thới An Hội, Nhơn Mỹ	Các Xã Phong Năm, Thới An Hội, Nhơn Mỹ

TT	Tên công trình, dự án	Vị trí dự kiến
IV	CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ CHỐNG NGẬP ĐÔ THỊ VÀ, ĐÊ BAO KHÉP KÍN BẢO VỆ	
1	Đảm bảo an ninh nguồn nước cho khu vực Tây sông Hậu và chống ngập úng, sạt lở cho trung tâm thành phố Cần Thơ	Các phường Ô Môn, Phước Thới, Thới An Đông, Bình Thủy, Cái Khế, Ninh Kiều, Tân An, An Bình; xã Phong Điền
2	Xây dựng đê bao ngăn triều cho vùng cây ăn trái khu vực Châu Thành, Châu Thành A và Ngã Bảy	Phường Đại Thành, phường Ngã Bảy, xã Thạnh Xuân, xã Tân Hòa, xã Trường Long Tây, xã Châu Thành, xã Đông Phước, xã Phú Hữu
3	Nâng cấp đê cửa sông Tả, Hữu Cù Lao Dung	Các xã An Thạnh, Cù Lao Dung
4	Phòng, chống ngập úng vùng Quản Lộ - Phụng Hiệp	Các xã Hồ Đắc Kiện, Thuận Hòa, An Ninh, Long Hưng, Mỹ Tú, Mỹ Phước, Mỹ Hương, Phường Ngã Năm, phường Vĩnh Quới, xã Tân Long, xã Mỹ Quới
5	Nâng cấp hệ thống đê bao các cù lao khu vực Kế Sách	Các Xã Phong Nẫm, Thới An Hội, Nhơn Mỹ
6	Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái - Tuyến Ông Hào, Trà Ếch	Các xã Nhơn Ái, Trường Long
7	Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái - Tuyến Xẻo Lá - Năm Tụ - Cây Cầm áp Trường Khương A, Trường Phú, Trường Phú B	Các xã Nhơn Ái, Trường Long
8	Đầu tư nâng cấp hoàn thiện hệ thống đê bao, bờ bao dọc các tuyến sông, kênh, rạch các cấp trên địa bàn Thành Phố	Các xã/phường
V	PHÒNG CHỐNG HẠN HÁN VÀ XÂM NHẬP MẶN CUNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	
1	Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long (MERIT-WB11) thành phố Cần Thơ	Các xã Hồ Đắc Kiện, Thuận Hòa, An Ninh, An Hiệp, Long Hưng, Mỹ Tú, Mỹ Phước, Tân

TT	Tên công trình, dự án	Vị trí dự kiến
		Long, An Thạnh, Vĩnh Thuận Đông, Vĩnh Viễn, Xà Phiên, Lương Tâm và các Phường Ngã Năm, Vĩnh Quới, Long Bình, Long Mỹ, Long Phú 1
2	Xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên khu vực Vĩnh Châu	Các xã Vĩnh Hải, Lai Hòa, các phường Khánh Hòa, Vĩnh Phước, Vĩnh Châu
3	Đầu tư nâng cấp các cống Vàm Om Nỏ, thị xã Vĩnh Châu; cống Ngăn Rô, khu vực Trần Đề; cống Cái Oanh, cống Bà Xắm, cống 5 Mắm, cống Thủy Nông, cống Cái Xe, khu vực Long Phú.	Phường Vĩnh Phước, xã Trần Đề, xã Tân Thạnh, xã Đại Ngãi,
4	Xây dựng cống số 5 và cống Cầu Ngang, khu vực Vĩnh Châu	Phường Vĩnh Châu, xã Vĩnh Hải
5	Xây dựng hồ trữ nước ngọt phòng, chống hạn, xâm nhập mặn phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh các xã đảo.	Xã An Thạnh
6	Hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản (cống số 5 và cống Cầu Ngang) và nâng cấp các cống Vàm Om Nỏ, cống Ngăn Rô, cống Cái Oanh, cống Bà Xắm, cống 5 Mắm, cống Thủy Nông, cống Cái Xe.	Phường Vĩnh Phước, xã Trần Đề, xã Tân Thạnh, xã Đại Ngãi, Phường Vĩnh Châu
7	Hồ chứa nước ngọt Phân trường Phú Lợi	Xã Hồ Đắc Kiện
8	Hồ chứa nước ngọt Phân trường Thạnh Trị	Xã Vĩnh Lợi
9	Hồ trữ nước ngọt trên dòng sông tỉnh Hậu Giang cũ	Xã Vĩnh Tường
10	Xây dựng cống Chông Mỹ, cống Cái Rắn, cống Cao Hột Bé khu vực Long Mỹ.	Xã Xà Phiên
11	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi thuộc Hệ thống đê bao Ô Môn - Xà No	Các phường Ô Môn; xã Phong Điền, Nhơn Ái, Trường Thành, Thới Lai
12	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi thuộc hệ thống đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Các xã Vĩnh Viễn, Lương Tâm, Hòa Lự
13	Xây dựng hệ thống ô bao lớn kiểm soát mặn vùng triều biển Đông Phụng Hiệp - Long Mỹ	Các xã Vĩnh Viễn, Lương Tâm, Xà Phiên

TT	Tên công trình, dự án	Vị trí dự kiến
14	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước các Xã Tân Bình, Hòa An, Phương Bình, Tân Phước Hưng, Hiệp Hưng, Thạnh Hòa	Các Xã Tân Bình, Hòa An, Phương Bình, Tân Phước Hưng, Hiệp Hưng, Thạnh Hòa
15	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước các xã Vĩnh Viễn, Lương Tâm, Xà Phiên	Các xã Vĩnh Viễn, Lương Tâm, Xà Phiên
16	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước các xã Vị Thủy, Vĩnh Thuận Đông, Vị Thanh 1, Vĩnh Tường	Các xã Vị Thủy, Vĩnh Thuận Đông, Vị Thanh 1, Vĩnh Tường
17	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước các phường Long Bình, Long Mỹ, Long Phú 1	Các phường Long Bình, Long Mỹ, Long Phú 1
18	Xây dựng, nâng cấp hệ thống ô bao vùng giáp nước các Phường vị thanh, phường Vị Tân, Xã Hòa Lựu	Phường vị thanh, phường Vị Tân, Xã Hòa Lựu
19	Xây dựng hệ thống đê bao, kết hợp Trạm bơm khép kín vùng trũng trên địa bàn tỉnh	Thành phố Cần Thơ
20	Xây dựng hệ thống Công ngăn lũ, kiểm soát nguồn nước trên tuyến Quản lộ Phụng Hiệp	Cá xã Hồ Đắc Kiện, Thuận Hòa, An Ninh, Long Hưng, Mỹ Tú, Mỹ Phước, Mỹ Hương, Phường Ngã Năm, phường Vĩnh Quới, xã Tân Long, xã Mỹ Quới
21	Đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo cống kết hợp trạm bơm điện	Thành phố Cần Thơ
VI	CÔNG TRÌNH CẢI TẠO, NÂNG CẤP HỆ THỐNG SÔNG, KÊNH, RẠCH	
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống Sông, kênh Trục (gồm nạo vét, nâng cấp hệ thống đê bao và công trình trên đê dọc tuyến kết hợp GTNT, hệ thống bến bãi dọc tuyến,..) nhằm tăng cường khả năng luân chuyển, điều tiết và kiểm soát nguồn nước gồm: Các kênh KH, Kênh Nàng Mau, Kênh Lái Hiếu, Sông Nước Đục, Sông Nước Trong,... Bố trí quỹ đất dọc các tuyến sông kênh làm bãi trữ đất nạo vét phục vụ công trình công cộng.	Thành phố Cần Thơ
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh cấp 1, cấp 2 và cấp 3 trên địa bàn TP	Các xã/phường
3	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng trên địa bàn toàn thành phố (cấp xã/Phường)	Các xã/phường

TT	Tên công trình, dự án	Vị trí dự kiến
VII	CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ LĨNH VỰC THỦY LỢI KHÁC	
1	Tăng cường năng lực Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực Mê Công	Thành phố Cần Thơ
2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng điều tiết nước xây dựng vùng phát triển lúa hữu cơ	Thành phố Cần Thơ
3	Cải tạo, nâng cấp và xây mới toàn bộ hệ thống đê biển, đê cửa sông nhằm đảm bảo chống bão cấp 12 và triều cường.	Các xã phường ven biển và cửa sông lớn
4	Cải tạo, nâng cấp và sửa chữa hệ thống cống, bơm, trạm bơm điện phục vụ tưới, tiêu và cấp nước trên địa bàn toàn thành phố (Chi tiết như PL báo cáo TH)	Các xã/phường

Ghi chú:

- Việc đầu tư các công trình thủy lợi của thành phố phải phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2023; phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quy hoạch Thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2030, tầm nhìn đến 2050 tại QĐ số: 2307/QĐ-TTg ngày 17/10/2025; các quy hoạch liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của thành phố.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục XIII
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP THOÁT NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Tên	Địa điểm
I	Lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch	
	<i>Nông thôn</i>	
1	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m ³ /ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Vĩnh Thạnh thành phố Cần Thơ	Xã Vĩnh Thạnh
2	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m ³ /ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Thạnh Phú thành phố Cần Thơ	Xã Thạnh Phú
3	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m ³ /ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Trung Hưng thành phố Cần Thơ	Xã Trung Hưng
4	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m ³ /ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Trường Xuân thành phố Cần Thơ	Xã Trường Xuân
5	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m ³ /ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Vĩnh Thạnh thành phố Cần Thơ	Xã Vĩnh Thạnh
6	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m ³ /ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Thới Hưng thành phố Cần Thơ	Xã Thới Hưng
7	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m ³ /ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Trường Xuân thành phố Cần Thơ	Xã Trường Xuân
8	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m ³ /ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) khu TĐC xã Nhơn Ái thành phố Cần Thơ	Xã Nhơn Ái

TT	Tên	Địa điểm
9	Xây dựng mới, nâng cấp công suất công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất <math><50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}</math> (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Thạnh Quới thành phố Cần Thơ	Xã Thạnh Quới
10	Xây dựng mới, nâng cấp công suất công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất <math><50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}</math> (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Cờ Đỏ thành phố Cần Thơ	Xã Cờ Đỏ
11	Xây dựng mới, nâng cấp công suất công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất <math><50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}</math> (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Đông Hiệp thành phố Cần Thơ	Xã Đông Hiệp
12	Xây dựng mới, nâng cấp công suất công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất <math><50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}</math> (hạn chế khai thác nước ngầm) Phường Ô Môn thành phố Cần Thơ	Phường Ô Môn
13	Xây dựng mới, nâng cấp công suất công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất <math><50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}</math> (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Nhon Ái thành phố Cần Thơ	Xã Nhon Ái
14	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất <math><50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}</math> (hạn chế khai thác nước ngầm) phường Tân Lộc thành phố Cần Thơ	Phường Tân Lộc
15	Các dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo khu trung tâm các hệ thống cấp nước nông thôn đang khai thác, xử lý nước dưới đất (nước ngầm)	Phường Tân Lộc
16	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm nay là xã Vĩnh Thạnh, xã Thạnh Quới, xã Thạnh An, xã Vĩnh Trinh thành phố Cần Thơ	Xã Vĩnh Thạnh, xã Thạnh Quới, xã Vĩnh Trinh và xã Thạnh An
17	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm xã Cờ Đỏ, xã Thạnh Phú, xã Thới Hưng, xã Đông Hiệp, xã Trung Hưng thành phố Cần Thơ	Xã Cờ Đỏ, xã Thạnh Phú, xã Thới Hưng, xã Đông Hiệp, xã Trung Hưng

TT	Tên	Địa điểm
18	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm tại xã Thới Lai, xã Trường Thành, xã Trường Xuân, xã Đông Thuận thành phố Cần Thơ	Xã Thới Lai, xã Trường Thành, xã Trường Xuân, xã Đông Thuận
19	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm xã Phong Điền, xã Nhơn Ái, xã Trường Long, phường An Bình thành phố Cần Thơ	Xã Phong Điền, xã Nhơn Ái, xã Trường Long, phường An Bình
20	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm phường Thốt Nốt, phường Thuận Hưng, phường Trung Nhứt, phường Tân Lộc thành phố Cần Thơ	Phường Thốt Nốt, phường Thuận Hưng, phường Trung Nhứt, phường Tân Lộc
21	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm phường Ô Môn, phường Phước Thới, phường Thới Long thành phố Cần Thơ	phường Ô Môn, phường Phước Thới, phường Thới Long
22	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các hạng mục trong khu trung tâm các hệ thống cấp nước nhằm đảm bảo khai thác nước, xử lý nước đạt yêu cầu chất lượng, áp lực nước cấp ổn định, liên tục, cấp nước an toàn phục vụ nhân dân, nâng cấp, cải tạo và mở rộng đường ống cấp nước trong phạm vi vùng phục vụ	Tại các hệ thống cấp nước nông thôn do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý vận hành khai thác của thành phố Cần Thơ mới
23	Đầu tư các hệ thống giám sát khai thác nước tại các hệ thống cấp nước do Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn thành phố Cần Thơ mới quản lý, vận hành, khai thác (Đầu tư, mua sắm, lắp đặt, cài đặt, thiết kế phần mềm và các thiết bị hệ thống giám sát khai thác nước, quan trắc chất lượng nước, truyền dữ liệu... tại các hệ thống cấp nước)	Tại các hệ thống cấp nước nông thôn do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý vận hành khai thác của thành phố Cần Thơ mới
24	Xây dựng mới phòng thí nghiệm - kiểm nghiệm chất lượng nước và thiết bị xét nghiệm chất lượng nước (cho phòng thí nghiệm và đi hiện trường)	Trụ sở Trung tâm Nước sạch và VSMTNT thành phố Cần Thơ và Chi nhánh cấp nước
25	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Nước sạch và VSMTNT thành phố Cần Thơ	Trụ sở Trung tâm Nước sạch và VSMTNT thành

TT	Tên	Địa điểm
		phố Cần Thơ và Chi nhánh cấp nước
26	Đầu tư các công trình cấp nước/xử lý nước quy mô hộ gia đình (Cấp nước sạch cho các hộ dân sống phân tán, nhỏ lẻ, nơi mà các tuyến ống cấp nước tập trung không thể kéo mạng đường ống để cung cấp nước)	Các xã/phường trong phạm vi vùng phục vụ cấp nước của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Cần Thơ
27	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất < 50.000m ³ /ngày đêm (hạn chế khai thác nước ngầm) tại các phường Vĩnh Châu, phường Khánh Hoà, phường Vĩnh Phước, xã Vĩnh Hải và xã Lai Hoà	phường Vĩnh Châu, phường Khánh Hoà, phường Vĩnh Phước, xã Vĩnh Hải và xã Lai Hoà
28	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất < 50.000m ³ /ngày đêm (hạn chế khai thác nước ngầm) tại các xã/phường Ngã Năm, phường Mỹ Quới và xã Tân Long	phường Ngã Năm, phường Mỹ Quới và xã Tân Long
29	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất < 50.000m ³ /ngày đêm (hạn chế khai thác nước ngầm) tại xã Thạnh Thới An, xã Tài Văn, xã Liêu Tú, xã Lịch Hội Thượng và xã Trần Đề	xã Thạnh Thới An, xã Tài Văn, xã Liêu Tú, xã Lịch Hội Thượng và xã Trần Đề
30	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất < 50.000m ³ /ngày đêm (hạn chế khai thác nước ngầm) tại các xã Hoà Tú, xã Gia Hoà, xã Nhu Gia, xã Ngọc Tố và phường Mỹ Xuyên	xã Hoà Tú, xã Gia Hoà, xã Nhu Gia, xã Ngọc Tố và phường Mỹ Xuyên
31	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất < 50.000m ³ /ngày đêm (hạn chế khai thác nước ngầm) tại các xã Kế Sách, xã Nhon Mỹ, xã Thới An Hội, xã An Lạc Thôn và xã Đại Hải	xã Kế Sách, xã Nhon Mỹ, xã Thới An Hội, xã An Lạc Thôn và xã Đại Hải
32	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất < 50.000m ³ /ngày đêm (hạn chế khai thác nước ngầm) tại các xã Phú Lộc, xã Vĩnh Lợi và xã Lâm Tân	xã Phú Lộc, xã Vĩnh Lợi và xã Lâm Tân
33	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất < 50.000m ³ /ngày đêm (hạn chế khai thác nước ngầm) tại các xã	xã Long Phú, xã Trường Khánh, xã Tân Thạnh và xã Đại Ngãi

TT	Tên	Địa điểm
	Long Phú, xã Trường Khánh, xã Tân Thạnh và xã Đại Ngãi	
34	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất < 50.000m ³ /ngày đêm (hạn chế khai thác nước ngầm) tại các xã Phú Tâm, xã An Ninh, xã Thuận Hoà và xã Hồ Đắc Kien	xã Phú Tâm, xã An Ninh, xã Thuận Hoà và xã Hồ Đắc Kien
35	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất < 50.000m ³ /ngày đêm (hạn chế khai thác nước ngầm) tại các xã Cù Lao Dung và xã An Thạnh	xã Cù Lao Dung và xã An Thạnh
36	Xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất < 50.000m ³ /ngày đêm (hạn chế khai thác nước ngầm) tại các xã Mỹ Tú, xã Long Hưng, xã Mỹ Hương và xã Mỹ Phước	xã Mỹ Tú, xã Long Hưng, xã Mỹ Hương và xã Mỹ Phước
37	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm trên địa bàn các xã/phường Vĩnh Châu, phường Khánh Hoà, phường Vĩnh Phước, xã Vĩnh Hải và xã Lai Hoà	phường Vĩnh Châu, phường Khánh Hoà, phường Vĩnh Phước, xã Vĩnh Hải và xã Lai Hoà
38	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm trên địa bàn các xã/phường Ngã Năm, phường Mỹ Quới và xã Tân Long	phường Ngã Năm, phường Mỹ Quới và xã Tân Long
39	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm trên địa bàn các xã Thạnh Thới An, xã Tài Văn, xã Liêu Tú, xã Lịch Hội Thượng và xã Trần Đề	xã Thạnh Thới An, xã Tài Văn, xã Liêu Tú, xã Lịch Hội Thượng và xã Trần Đề
40	Dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm trên địa bàn các xã Hoà Tú, xã Gia Hoà, xã Nhu Gia, xã Ngọc Tố và phường Mỹ Xuyên	xã Hoà Tú, xã Gia Hoà, xã Nhu Gia, xã Ngọc Tố và phường Mỹ Xuyên
41	Dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm trên địa bàn các xã Kế Sách, xã Nhon Mỹ, xã Thới An Hội, xã An Lạc Thôn và xã Đại Hải	xã Kế Sách, xã Nhon Mỹ, xã Thới An Hội, xã An Lạc Thôn và xã Đại Hải
42	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-	xã Phú Lộc, xã Vĩnh Lợi và xã Lâm Tân

TT	Tên	Địa điểm
	D1200mm trên địa bàn các xã Phú Lộc, xã Vĩnh Lợi và xã Lâm Tân	
43	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm trên địa bàn các xã Long Phú, xã Trường Khánh, xã Tân Thạnh và xã Đại Ngãi	xã Long Phú, xã Trường Khánh, xã Tân Thạnh và xã Đại Ngãi
44	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm trên địa bàn các xã Phú Tâm, xã An Ninh, xã Thuận Hoà và xã Hồ Đắc Kien	xã Phú Tâm, xã An Ninh, xã Thuận Hoà và xã Hồ Đắc Kien
45	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm trên địa bàn các xã Cù Lao Dung và xã An Thạnh	xã Cù Lao Dung và xã An Thạnh
46	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D1200mm trên địa bàn các xã Mỹ Tú, xã Long Hưng, xã Mỹ Hương và xã Mỹ Phước	xã Mỹ Tú, xã Long Hưng, xã Mỹ Hương và xã Mỹ Phước
47	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các khu trung tâm các hệ thống cấp nước nông thôn Sóc Trăng (cũ), khai thác nước dưới đất công suất $5.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, xử lý nước đạt yêu cầu chất lượng, áp lực nước cấp ổn định, liên tục, cấp nước an toàn	Các hệ thống cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng trước đây nay là thành phố Cần Thơ
48	Thực hiện các mô hình tuyên truyền cho hộ dân nông thôn lợi ích của việc sử dụng nước sạch từ các hệ thống cấp nước tập trung nông thôn, sử dụng nước tiết kiệm, quyền và nghĩa vụ của người dân trong việc bảo vệ các hệ thống cấp nước, các giải pháp thực hiện nâng cao chất lượng nước cấp đảm bảo cấp nước an toàn phục vụ người dân...	Các xã/phường trong phạm vi vùng phục vụ cấp nước của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Cần Thơ
49	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung Đông Thạnh	Xã Đông Phước
50	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung Nhơn Nghĩa A	Xã Tân Hòa
51	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung Vị Thủy	Xã Vĩnh Thuận Đông
52	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung Long Thạnh	Xã Thạnh Hòa
53	Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Nàng Mau	Xã Vị Thủy

TT	Tên	Địa điểm
54	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung Thạnh Xuân	Xã Thạnh Xuân
55	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung Vị Thanh 2	Xã Vị Thanh 1
56	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Long Mỹ	Xã Vĩnh Viễn
57	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Hòa An - Hiệp Hưng	Xã Hòa An
58	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Phương Phú	Xã Phương Bình
59	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Phú Tân	Xã Phú Tân
60	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Long Bình	Phường Long Bình
61	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Tân Phước Hưng	Xã Tân Phước Hưng
	<i>Đô thị</i>	
62	Cần Thơ 1	Sông Cần Thơ
63	Cần Thơ 2	Sông Hậu
64	Long Hòa	Sông Bình Thủy
65	Trà Nóc	Sông Hậu
66	Ô Môn 1	Sông Ô Môn
67	Ô Môn 2	Sông Hậu
68	Hưng Phú	Sông Hậu
69	Ba Láng	Sông Ba Láng
70	Bông Vang	Sông Cần Thơ
71	Thốt Nốt 1	Sông Hậu
72	Thốt Nốt 2	Sông Hậu
73	Vĩnh Thạnh	Sông Cái Sắn
74	Thạnh An	Sông Cái Sắn
75	Thới Lai	Sông Ô Môn
76	Cờ Đỏ	Kênh Thốt Nốt
77	Sài Gòn – Mê Công	Sông Hậu
78	Vị Thanh	Kênh Xà No
79	Một Ngàn	Kênh Xà No
80	Tân Bình	Kênh xáng Nàng Mau
81	NMN Long Mỹ	Nhánh sông Cái Lớn
82	Lương Tâm	Nước ngầm
83	Tân Phước Hưng	Kênh Xáng Búng Tàu
84	Ngã sáu	Sông Cái Dầu

TT	Tên	Địa điểm
85	Đông Phú	Nước ngầm
86	Cái Tắc	Nước ngầm
87	Long Thạnh	Nước ngầm
88	Vị Bình	Sông Hậu
89	Vĩnh Tường	Sông Xà No
90	Sông Hậu (Aqua One)	Sông Hậu
91	Ngã Bảy (CTCP)	Sông Cái Côn
92	Ngã Bảy (MTV)	Sông Cái Côn
93	Cây Dương	Sông Lái Hiếu
94	Tân Bình	Sông Nàng Mau
95	Xà Phiên	Sông Cái Trầu
96	Nhà máy cấp nước Nguyễn Chí Thanh	Nước ngầm, nước mặt
97	Trạm cấp nước Cao Thắng	Nước ngầm
98	Nhà máy cấp nước ngầm An Nghiệp	Nước ngầm
99	Nhà máy cấp nước Phú Lợi	Nước ngầm
100	Trạm cấp nước Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Nước ngầm
101	Trạm cấp nước Sung Đình	Nước ngầm
102	Trạm cấp nước Mỹ Xuyên 1	Nước ngầm
103	Trạm cấp nước Mỹ Xuyên 2	Nước ngầm
104	Trạm cấp nước Mỹ Xuyên 3	Nước ngầm
105	Trạm cấp nước Vĩnh Châu	Nước ngầm
106	Trạm cấp nước Hải Ngư	Nước ngầm
107	Trạm cấp nước Long Phú	Nước ngầm
108	Trạm cấp nước Mỹ Tú	Nước ngầm
109	Trạm cấp nước Lịch Hội Thượng	Nước ngầm
110	Trạm cấp nước Trần Đề	Nước ngầm
111	Trạm cấp nước Ngãi Hội	Nước ngầm
112	Trạm cấp nước Lợi Đức	Nước ngầm
113	Trạm cấp nước Kế Sách	Nước ngầm, nước mặt
114	Trạm cấp nước An Phú	Nước ngầm
115	Trạm cấp nước Phong Năm	Nước ngầm, nước mặt
116	Trạm cấp nước Hưng Lợi	Nước ngầm
117	Trạm cấp nước Phú Lộc	Nước ngầm
118	Trạm cấp nước Ngã Năm 1	Nước ngầm
119	Trạm cấp nước Ngã Năm 2	Nước ngầm, nước mặt
120	Trạm cấp nước Phú Túc	Nước ngầm
121	Tân Hưng	Sông Hậu

TT	Tên	Địa điểm
122	Mỹ Thuận	Kênh nội đồng (nguồn Sông Hậu)
123	Kế Thành	Sông Hậu
124	Lâm Tân	Nước mặt nội đồng
125	An Thạnh Tây	Nước lợ – xử lý RO
126	An Thạnh Nam	Nước lợ – xử lý Nano/RO
127	Vĩnh Tân	Nước ngọt pha lợ
128	Lạc Hòa	Nước lợ – Sông Cái Lớn
129	Hồ Đắc Kiện	Sông Hậu
130	Gia Hòa 1 – Gia Hòa 2	Sông Hậu
131	Hòa Tú 1	Nước mặt nội đồng
132	Ngọc Đông	Nước mặt/nước ngầm
133	An Thạnh Đông	Nước lợ – RO
134	Vĩnh Thành	Nước mặt nội đồng
135	Hồ Nước Ngọt Vĩnh Tường	Nước trữ từ Sông Xà No
136	Hệ thống cấp nước 1 (liên vùng)	Sông Xà No (Cụm Sông Hậu 1)
137	Tuyến ống truyền tải liên vùng	Liên kết Sông Hậu – Xà No – Cái Lớn
II	Lĩnh vực thoát nước thải	
1	Cái Sâu 1	Phường Hưng Phú
2	Cái Sâu 2	Phường Hưng Phú
3	Long Xuyên	KV Bình thủy
4	Trà Nóc	Phường Thới An Đông
5	Ô Môn	Phường Ô Môn
6	Thốt Nốt	Phường Thuận Hưng
7	Phong Điền	Xã Nhơn Ái
8	Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh
9	Thạnh An	Xã Thạnh An
10	Cờ Đỏ	Xã Cờ Đỏ
11	Thới Lai	Xã Thới Lai
12	Nhà máy xử lý nước thải thành phố Sóc Trăng	Phường Sóc Trăng
13	Nhà máy xử lý nước thải tại Khu công nghiệp An Nghiệp	Xã Thuận Hòa

Ghi chú:

- Các công trình cấp, thoát nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2023 phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ

2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; phù hợp định hướng quy hoạch, tính khả thi, thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội của từng dự án.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục XIV
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI, NGHĨA TRANG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

T T	Tên khu xử lý / nhà máy	Địa điểm hành chính (mới)	Phạm vi phục vụ chính
1	Khu liên hợp xử lý Thới Lai	Thới Lai	Các đô thị nội thành và ven đô: Ninh Kiều, Cái Răng, Bình Thủy, Thốt Nốt, Ô Môn, Cờ Đỏ
2	Nhà máy điện rác Hậu Giang	Hòa An	Tùy theo điều kiện sẽ điều tiết phạm vi phục vụ theo thực tế
3	Nhà máy điện rác Mỹ Hương	Xã Mỹ Hương & P. Mỹ Xuyên	Toàn bộ khu vực liên xã/phường khu vực Sóc Trăng
4	Khu xử lý Kinh Cùng	Phụng Hiệp	Tùy theo điều kiện sẽ điều tiết phạm vi phục vụ theo thực tế

II. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢI TẠO, KHẮC PHỤC Ô NHIỄM VÀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

TT	Tên dự án	Địa điểm
1	Cải tạo, khắc phục ô nhiễm bãi rác số 08	Phường Cái Răng
2	Cải tạo, khắc phục ô nhiễm bãi rác Tân Tiến	Xã Hòa Lưu
3	Cải tạo, khắc phục ô nhiễm bãi rác Long Mỹ	Phường Long Bình
4	Cải tạo, khắc phục ô nhiễm bãi rác Tân Long	Xã Thanh Hòa
5	Cải tạo, khắc phục ô nhiễm bãi rác Ô Môn	Phường Phước Thới
6	Đầu tư xây dựng Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại phường Tân An	Phường Tân An
7	Đầu tư xây dựng Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại phường Sóc Trăng	Phường Sóc Trăng
8	Cải tạo, khắc phục ô nhiễm 35 bãi rác (trên địa bàn Sóc Trăng cũ), bao gồm các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt	Địa bàn Sóc Trăng (cũ)

III. DANH MỤC HỆ THỐNG CÔNG VIÊN NGHĨA TRANG TẬP TRUNG

TT	Tên dự án	Vị trí
	Nghĩa trang Cấp Vùng	
1	Nghĩa trang Trung tâm	Khu vực Thới Lai
2	Nghĩa trang khu vực Thạnh Trị - Ngã Năm	Xã Vĩnh Lợi
3	Nghĩa trang Phía Nam (Khu vực Mỹ Xuyên – Sóc Trăng)	Xã Gia Hòa
4	Nghĩa trang khu vực phía Bắc	Xã Vĩnh Thạnh

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, công nghệ áp dụng của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn trong thời kỳ quy hoạch.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục XV
DANH MỤC KHO XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

1. Danh mục kho xăng dầu, khí đốt

TT	Tên	Số lượng	Địa điểm
1	Kho xăng dầu, khí đốt	(2 kho)	Phường Sóc Trăng
2	Kho xăng dầu, khí đốt	(2 kho)	Phường Ngã Năm
3	Kho xăng dầu, khí đốt	(1 kho)	Phường Vĩnh Châu
4	Kho xăng dầu, khí đốt	(2 kho)	Xã Trần Đề
5	Kho xăng dầu, khí đốt	(1 kho)	Xã Thới An Hội
6	Kho xăng dầu, khí đốt	(1 kho)	Xã Đại Ngãi
7	Kho xăng dầu, khí đốt	(1 kho)	Xã Nhơn Mỹ
8	Kho xăng dầu, khí đốt	(1 kho)	Xã Long Phú

2. Danh mục đường ống khí thấp áp

TT	Tên công trình, dự án	Ghi chú
1	Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	
2	Mở rộng hệ thống đường ống phân phối khí tự nhiên/LNG tái hóa đến các hộ tiêu thụ, khu công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Tiền Giang, Cần Thơ ...	Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 24/4/2024
3	Hệ thống tuyến ống phối khí từ GDC Ô Môn đến KCN để cấp khí Lô B cho các KCN	
4	Trạm tái hóa/giảm áp/phân phối khí trung tâm tại các KCN và hệ thống đường ống từ các Trạm này đến các khách hàng trong KCN	
5	Tuyến ống kết nối Đông – Tây để cấp khí LNG từ Khu vực Đông Nam Bộ đến GDC Ô Môn; kho LNG	
6	Hệ thống tuyến ống phối khí từ GDC Ô Môn đến KCN để cấp khí Lô B cho các KCN	

Ghi chú:

- Quy hoạch hạ tầng kho xăng dầu, khí đốt của thành phố phải phù hợp với Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng

lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch, kế hoạch liên quan và được cấp thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với nhu cầu thực tế phát triển của thành phố.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các công trình, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư sẽ được xác định, tính toán chính xác trong quá trình lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục XVI
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Tên công trình, dự án	Quy hoạch
A	CÔNG LẬP	
I	Bệnh viện, Trung tâm trực thuộc Bộ, ngành	
1	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	Mở rộng diện tích, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
2	Bệnh viện Đại học Y dược Cần Thơ	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
3	Bệnh viện Quân Y 121 Cần Thơ	
4	Bệnh viện Công An Cần Thơ	Di dời, xây mới
5	Bệnh viện Chính hình và Phục hồi chức năng Cần Thơ	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế có phương án đề xuất chuyển về thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030
6	Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ	
II	Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa đảm nhận chức năng vùng/cấp chuyên sâu	
1	Bệnh viện Lão khoa thành phố Cần Thơ	Thành lập mới, đảm nhận chức năng vùng (cấp chuyên sâu)
2	Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	Bệnh viện chuyên khoa đảm nhận chức năng vùng (cấp chuyên sâu)
3	Bệnh viện Huyết học - Truyền máu thành phố Cần Thơ	Nâng cấp, mở rộng đảm nhận chức năng vùng (cấp chuyên sâu)
4	Bệnh Phụ sản thành phố Cần Thơ	Nâng cấp, mở rộng (bao gồm Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh) đảm nhận chức năng vùng (cấp chuyên sâu)
5	Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ	Nâng cấp, mở rộng đảm nhận chức năng vùng (cấp chuyên sâu)

TT	Tên công trình, dự án	Quy hoạch
6	Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ	Đầu tư xây dựng bệnh viện cơ sở phường An Bình và xã Phong Điền đảm nhận chức năng vùng (cấp chuyên sâu)
7	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm nhận chức năng vùng (cấp chuyên sâu)
8	Bệnh viện Đa khoa Sóc Trăng	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị (cấp chuyên sâu)
9	Bệnh viện Đa khoa Hậu Giang	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị (cấp chuyên sâu)
II	Bệnh viện đa khoa chuyên khoa (cấp cơ bản)	
1	Bệnh viện Nội tiết thành phố Cần Thơ	Thành lập mới
2	Bệnh viện Mắt thành phố Cần Thơ	Thành lập mới
3	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới thành phố Cần Thơ	Thành lập mới
4	Bệnh viện Phục hồi chức năng thành phố Cần Thơ	Thành lập mới
5	Bệnh viện Y học Cổ truyền Sóc Trăng	Thành lập mới
6	Bệnh viện Y học Cổ truyền Hậu Giang	Thành lập mới
7	Bệnh viện Tâm thần Sóc Trăng	Thành lập mới
8	Bệnh viện Y học Cổ truyền Cần Thơ	Mở rộng, nâng cấp
9	Bệnh viện Tai Mũi Họng thành phố Cần Thơ	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
10	Bệnh viện Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
11	Bệnh viện Da liễu thành phố Cần thơ	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
12	Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
13	Bệnh viện Tâm thần Hậu Giang	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
14	Bệnh viện Phổi thành phố Cần Thơ	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành phố Cần Thơ (đổi tên thành BV Phổi thành phố Cần Thơ), tiếp nhận một số chương trình từ Bệnh viện Phổi Sóc Trăng và Bệnh viện Phổi Hậu Giang

TT	Tên công trình, dự án	Quy hoạch
15	Bệnh viện Sản Nhi Hậu Giang	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
16	Bệnh viện Sản Nhi Sóc Trăng	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
17	Bệnh viện Quân dân y thành phố Cần Thơ	Gộp Bệnh viện Quân dân y Sóc Trăng
18	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngã Bảy	Nâng cấp
19	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thạnh Trị	Cơ sở 2,3 của bệnh viện cấp chuyên sâu
20	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mỹ Tú	Cơ sở 2,3 của bệnh viện cấp chuyên sâu
21	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mỹ Xuyên	Cơ sở 2,3 của bệnh viện cấp chuyên sâu
22	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cù Lao Dung	Cơ sở 2,3 của bệnh viện cấp chuyên sâu
IV	Trung tâm Y tế khu vực (cấp cơ bản)	
1	Trung tâm Y tế khu vực Ô Môn	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
2	Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Thạnh	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
3	Trung tâm Y tế khu vực Thốt Nốt	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
4	Trung tâm Y tế khu vực Bình Thủy	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
5	Trung tâm Y tế khu vực Cái Răng	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
6	Trung tâm Y tế khu vực Thới Lai	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
7	Trung tâm Y tế khu vực Long Mỹ	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
8	Trung tâm Y tế khu vực Phụng Hiệp	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
9	Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
10	Trung tâm Y tế khu vực Vị Thủy	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
11	Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành A	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị

TT	Tên công trình, dự án	Quy hoạch
12	Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Châu	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
13	Trung tâm Y tế khu vực Ngã Năm	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
14	Trung tâm Y tế khu vực Sóc Trăng	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
15	Trung tâm Y tế khu vực Kế Sách	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
16	Trung tâm Y tế khu vực Long Phú	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị
V	Trạm Y tế	Đầu tư nâng cấp, xây mới đáp ứng các yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân tại tuyến đầu (cơ sở) theo mô hình được Bộ Y tế hướng dẫn
VI	Khu Y tế công nghệ cao	Thành lập các Trung tâm khám chữa bệnh chuyên sâu cấp vùng ĐBSCL, bao gồm hội chợ, triển lãm, hợp tác về y tế (300 - 400 ha)
VII	Khu y tế nghỉ dưỡng	Liên kết du lịch, thương mại. Dự kiến tại xã Cù Lao Dung (200 ha)
VIII	Các Trung tâm chuyên ngành	
1	Trung tâm cấp cứu 115 và mạng lưới cấp cứu vệ tinh thành phố Cần Thơ	Thành lập mới
2	Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Cần Thơ	Nâng cấp thành trung tâm Kiểm nghiệm cấp vùng
3	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ	
4	Trung tâm Pháp Y thành phố Cần Thơ	
5	Trung tâm Giám định Y khoa thành phố Cần Thơ	
6	Trung tâm Công tác xã hội thành phố Cần Thơ	Xây mới, nâng cấp
7	Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Thành lập mới
B	NGOÀI CÔNG LẬP	

TT	Tên công trình, dự án	Quy hoạch
1	Duy trì, phát triển các bệnh viện, cơ sở y tế ngoài công lập hiện có. Thu hút thêm các bệnh viện, cơ sở y tế ngoài công lập đầu tư trên địa bàn thành phố.	Xây mới, nâng cấp
2	Trung tâm tầm soát và điều trị ung thư kỹ thuật chuyên sâu (bao gồm xạ trị proton)	Danh mục mời gọi đầu tư vào thành phố Cần Thơ đến năm 2030
3	Khu Y tế nghỉ dưỡng	Thu hút đầu tư
4	Viện dưỡng lão	Thu hút đầu tư tại phường Cái Răng

Ghi chú:

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và nhu cầu thực tế của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục XVII
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC
NGHỀ NGHIỆP THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT VÀ GIÁO DỤC HOÀ NHẬP

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Ghi chú
1	Trường Dạy trẻ khuyết tật thành phố Cần Thơ	Phường Bình Thủy	Sáp nhập Trường Tương Lai vào Trường Dạy trẻ khuyết tật thành phố Cần Thơ
2	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Hậu Giang	Phường Vị Tân	
3	Trung tâm hỗ trợ Giáo dục hòa nhập Sóc Trăng	Phường Mỹ Xuyên	Chuyển Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Sóc Trăng thành Trung tâm hỗ trợ Giáo dục hòa nhập Sóc Trăng
4	Đầu tư xây mới 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập	Thành phố Cần Thơ	

II. KHỐI TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Ghi chú
1	Trường THPT Phan Văn Trị	Xã Phong Điền	Nâng cấp, mở rộng
2	Trường THPT Giai Xuân	Xã Phong Điền	Xây dựng mới nhà thi đấu đa năng
3	Trường THPT Trần Ngọc Hoằng	Xã Thới Hưng	Nâng cấp, cải tạo
4	Trường THPT Lương Định Của	Phường Ô Môn	Nâng cấp, cải tạo
5	Trường THCS và THPT Thới Thạnh	Phường Ô Môn	Nâng cấp, cải tạo
6	Trường THPT Nguyễn Việt Hồng	Phường An Bình	Nâng cấp, cải tạo

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Ghi chú
7	Trường THPT Bùi Hữu Nghĩa	Phường Bình Thủy	Nâng cấp, cải tạo
8	Trường THPT Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	Xây dựng các phòng chức năng và nhà thi đấu đa năng
9	Trường THCS và THPT Tân Lộc	Phường Tân Lộc	Nâng cấp, cải tạo
10	Trường THPT Trường Xuân	Xã Trường Xuân	Nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng chức năng và xây dựng mới hồ bơi, nhà thi đấu đa năng
11	Trường THPT Bình Thủy	Phường Bình Thủy	Nâng cấp, cải tạo
12	Trường THPT Thạnh An	Xã Thạnh An	Nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng chức năng và xây dựng mới nhà thi đấu đa năng
13	Trường THPT Thới Lai	Xã Thới Lai	Nâng cấp, cải tạo
14	Trường THPT Thới Long	Phường Thới Long	Nâng cấp, cải tạo
15	Trường THPT Phan Ngọc Hiển	Phường Ninh Kiều	Nâng cấp, cải tạo
16	Trường THPT Ngã Sáu	Xã Châu Thành	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
17	Trường THPT Lương Tâm	Xã Lương Tâm	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
18	Trường THPT Lê Hồng Phong	Xã Vị Thanh 1	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
19	Trường THPT Vị Thủy	Xã Vị Thủy	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
20	Trường THPT Hòa An	Xã Hòa An	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
21	Trường THPT chuyên Vị Thanh	Phường Vị Thanh	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
22	Trường THPT Lê Quý Đôn	Phường Ngã Bảy	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
23	Trường THPT Phú Hữu	Xã Phú Hữu	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Ghi chú
24	Trường THPT Vĩnh Tường	Xã Vĩnh Tường	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới, mở rộng
25	Trường THPT Trường Long Tây	Xã Trường Long Tây	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
26	Trường THPT Long Mỹ	Phường Long Bình	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
27	Trường THPT Nguyễn Minh Quang	Phường Ngã Bảy	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
28	Trường THPT Tân Long	Xã Thạnh Hòa	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
29	Trường THPT Châu Thành A	Xã Tân Hòa	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
30	Trường THPT Tân Phú	Phường Long Phú 1	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
31	Trường THPT Chiêm Thành Tấn	Phường Vị Thanh	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới, mở rộng
32	Trường THPT Tây Đô	Xã Vĩnh Viễn	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới, mở rộng
33	Trường THPT Lương Thế Vinh	Xã Hoà An	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
34	Trường PTDT Nội trú tỉnh	Phường Long Bình	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
35	Trường THPT Cái Tắc	Xã Đông Phước	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
36	Trường THPT Vị Thanh	Phường Vị Thanh	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
37	Trường THPT Tầm Vu	Xã Thạnh Xuân	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
38	Trường THPT Cây Dương	Xã Hiệp Hưng	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
39	Trường PTDTNT Him Lam	Xã Thạnh Xuân	Nâng cấp, cải tạo và Xây dựng mới
40	Trường THPT Mai Thanh Thế	Phường Ngã Năm	Xây mới
41	Trường THPT Mỹ Xuyên	Phường Mỹ Xuyên	Nâng cấp, cải tạo
42	Trường THPT Kế Sách	Xã Kế Sách	Nâng cấp, cải tạo

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Ghi chú
43	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	Phường Vĩnh Phước	Nâng cấp, cải tạo
44	Trường THPT Lịch Hội Thượng	Xã Lịch Hội Thượng	Nâng cấp, cải tạo
45	Trường THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	Xã Mỹ Tú	Nâng cấp, cải tạo
46	Trường THPT Mỹ Hương	Xã Mỹ Hương	Nâng cấp, cải tạo
47	Trường THPT Thuận Hòa	Xã Phú Tâm	Nâng cấp, cải tạo
48	Trường THPT Ngọc Tô	Xã Ngọc Tô	Nâng cấp, cải tạo
49	Trường THCS&THPT DTNT Thạnh Phú	Xã Nhu Gia	Nâng cấp, cải tạo
50	Trường THPT Văn Ngọc Chính	Xã Nhu Gia	Nâng cấp, cải tạo
51	Trường THPT Thiều Văn Chỏi	Xã An Lạc Thôn	Nâng cấp, cải tạo
52	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Phường Vĩnh Châu	Nâng cấp, cải tạo
53	Trường THCS&THPT Lai Hoà	Xã Lai Hòa	Nâng cấp, cải tạo
54	Trường THCS&THPT Long Hưng	Xã Long Hưng	Nâng cấp, cải tạo
55	Trường THPT Phan Văn Hùng	Xã Đại Hải	Nâng cấp, cải tạo
56	Trường THCS & THPT Mỹ Thuận	Xã Mỹ Tú	Nâng cấp, cải tạo
57	Trường THPT Thành phố Sóc Trăng	Phường Mỹ Xuyên	Nâng cấp, cải tạo
58	Trường THPT An Lạc Thôn	Xã An Lạc Thôn	Nâng cấp, cải tạo
59	Trường THPT Đại Ngãi	Xã Đại Ngãi	Nâng cấp, cải tạo
60	Trường THPT An Thạnh 3	Xã Cù Lao Dung	Nâng cấp, cải tạo
61	Trường THPT Lương Định Của	Xã Long Phú	Nâng cấp, cải tạo
62	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường mầm non, phổ thông trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	

III. KHỐI TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Định hướng phát triển hạ tầng giáo dục
I	Đại học		

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Định hướng phát triển hạ tầng giáo dục
1	Đại học Cần Thơ	Phường Ninh Kiều	Phát triển Đại học Cần Thơ trở thành đại học vùng và trường trọng điểm quốc gia.
2	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Phường Tân An	Phát triển Trường Đại học Y Dược Cần Thơ là trường trọng điểm quốc gia và nằm một trong những trường đại học khoa học sức khỏe hàng đầu Việt Nam
3	Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Phát triển thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ 4
II	Cao đẳng, trung cấp		
1	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Phường Cái Khế	Sáp nhập Trường Cao đẳng Cần Thơ vào Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ (chuyên khoa Đào tạo giáo viên Trường Cao đẳng Cần Thơ về Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng)
2	Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Phường Bình Thủy	Sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Sóc Trăng vào Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ
3	Trường Cao đẳng cộng đồng Sóc Trăng	Phường Mỹ Xuyên	Sáp nhập Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang, Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Cần Thơ vào Trường Cao đẳng cộng đồng Sóc Trăng (tiếp nhận khoa Đào tạo giáo viên Trường Cao đẳng Cần Thơ)
4	Đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất các trường Trung cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị

IV. TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP – GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Định hướng phát triển hạ tầng giáo dục
1	Trung tâm GDNN -GDTX Cần Thơ	- Trụ sở chính: Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Ninh Kiều - Cơ sở phụ 1: Đường Trần Văn Hoài, phường Ninh Kiều - Cơ sở phụ 2: Đường Trần Chiên, phường Cái Răng	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDTX thành phố Cần Thơ, Trung tâm GDNN - GDTX quận Ninh Kiều, Trung tâm GDNN - GDTX quận Cái Răng tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Cần Thơ
2	Trung tâm GDNN - GDTX Ô Môn	- Trụ sở chính: Khu vực 12, phường Ô Môn - Cơ sở phụ 1: Khu vực Thới An 1, phường Thốt Nốt - Cơ sở phụ 2: Ấp Thới Thuận A, xã Thới Lai	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX quận Thốt Nốt, Trung tâm GDNN - GDTX huyện Thới Lai và Trung tâm GDNN - GDTX quận Ô Môn tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Ô Môn
3	Trung tâm GDNN - GDTX Cờ Đỏ	- Trụ sở chính: Ấp Thới Hoà, xã Cờ Đỏ - Cơ sở phụ: Ấp Vĩnh Viễn, xã Vĩnh Thạnh	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX huyện Vĩnh Thạnh và Trung tâm GDNN - GDTX huyện Cờ Đỏ tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Cờ Đỏ
4	Trung tâm GDNN - GDTX Bình Thủy	- Trụ sở chính: Đường Cách mạng tháng Tám, phường Bình Thủy - Cơ sở phụ: Ấp Nhơn Lộc 1, xã Phong Điền	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX huyện Phong Điền và Trung tâm GDNN - GDTX quận Bình Thủy thành Trung tâm GDNN – GDTX Bình Thủy
5	Trung tâm GDNN - GDTX Hậu Giang	- Trụ sở chính: Đường Nguyễn Thái Học, phường Vị Thanh - Cơ sở phụ: Ấp 4, xã Vị Thủy	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDTX tỉnh Hậu Giang và Trung tâm GDNN - GDTX huyện Vị Thủy tổ chức lại thành Trung tâm GDNN – GDTX Hậu Giang

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Định hướng phát triển hạ tầng giáo dục
6	Trung tâm GDNN - GDTX Châu Thành	- Trụ sở chính: Ấp Phú Lợi, xã Phú Hữu - Cơ sở phụ: Ấp Nhơn Thuận 1A, xã Tân Hoà	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX huyện Châu Thành và Trung tâm GDNN - GDTX huyện Châu Thành A tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Châu Thành
7	Trung tâm GDNN - GDTX Phụng Hiệp	- Trụ sở chính: Ấp Mỹ Hoà, xã Hiệp Hưng - Cơ sở phụ: Khu vực II, phường Ngã Bảy	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX thành phố Ngã Bảy và Trung tâm GDNN - GDTX huyện Phụng Hiệp tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Phụng Hiệp
8	Trung tâm GDNN - GDTX Long Mỹ	- Trụ sở chính: Khu vực IV, phường Long Mỹ - Cơ sở phụ: Ấp 3, xã Vĩnh Viễn	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX thị xã Long Mỹ và Trung tâm GDNN - GDTX huyện Long Mỹ tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Long Mỹ
9	Trung tâm GDNN - GDTX Sóc Trăng	- Trụ sở chính: Khóm 5, phường Phú Lợi - Cơ sở phụ: Đường Lý Đạo Thành, phường Sóc Trăng	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDTX tỉnh Sóc Trăng và Trung tâm GDNN - GDTX thành phố Sóc Trăng tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Sóc Trăng
10	Trung tâm GDNN - GDTX Vĩnh Châu	- Trụ sở chính: Đường Châu Văn Đơ, khóm 1, phường Vĩnh Châu - Cơ sở phụ: Ấp Chợ, xã Trần Đề	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX thị xã Vĩnh Châu và Trung tâm GDNN - GDTX huyện Trần Đề tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Vĩnh Châu
11	Trung tâm GDNN - GDTX Mỹ Xuyên	- Trụ sở chính: Ấp Càn Đước, xã Nhu Gia - Cơ sở phụ: Ấp 3, xã Phú Lộc	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX huyện Mỹ Xuyên và Trung tâm GDNN - GDTX huyện Thạnh Trị tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Mỹ Xuyên

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Định hướng phát triển hạ tầng giáo dục
12	Trung tâm GDNN - GDTX Long Phú	- Trụ sở chính: Ấp 2, xã Long Phú - Cơ sở phụ: Ấp Phạm Thành Hôn, xã Cù Lao Dung	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX huyện Cù Lao Dung và Trung tâm GDNN - GDTX huyện Long Phú tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Long Phú
13	Trung tâm GDNN - GDTX Ngã Năm	- Trụ sở chính: Khóm 3, phường Ngã Năm - Cơ sở phụ: Ấp Trà Lây 1, xã Mỹ Hương	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX thị xã Ngã Năm và Trung tâm GDNN - GDTX huyện Mỹ Tú tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Ngã Năm
14	Trung tâm GDNN - GDTX Kế Sách	- Trụ sở chính: Ấp An Phú, xã Kế Sách - Cơ sở phụ: Ấp Xây Cáp, xã Phú Tâm	Hợp nhất, sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX huyện Châu Thành (tỉnh Sóc Trăng cũ) và Trung tâm GDNN - GDTX huyện Kế Sách tổ chức lại thành Trung tâm GDNN - GDTX Kế Sách

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô đầu tư, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình giáo dục đào tạo khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và nhu cầu thực tế của địa phương.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục XVIII
DANH MỤC HẠ TẦNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích
1	Khu Công nghệ cao	250 ha
2	Vườn ươm Công nghệ công nghiệp Việt Nam – Hàn Quốc (Cơ sở nghiên cứu, thử nghiệm, lưu trữ dữ liệu (cơ sở 2))	4.950 m ²
3	Đầu tư mở rộng cơ sở 2 Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	40.000 m ²
4	Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tại Trần Đề	20.000 m ²
5	Văn phòng đại diện Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	540 m ²
6	Trại thực nghiệm thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ	22.000 m ²
7	Khu Thí nghiệm và nuôi cấy mô bảo tồn gen thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ	5.300 m ²
8	Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ mang tầm khu vực và vùng Đồng bằng sông Cửu Long	36.439,6m ²
8.1	<i>Hội sở chính, số số 29 Cách Mạng Tháng Tám, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ</i>	350,9 m ²
8.2	<i>Khu làm việc chung, số 118/3 Trần Phú, phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ</i>	594 m ²
8.3	<i>Khu Tư vấn và Cung ứng dịch vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Số 05 Điện Biên Phủ, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ)</i>	720 m ²
8.4	<i>Khu Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo sản phẩm đặc thù địa phương (Số 217 Trần Bình Trọng, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ)</i>	654,3m ²
8.5	<i>Khu phức hợp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (Trụ sở Tỉnh ủy Hậu Giang cũ - Đường Nguyễn Huệ, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ)</i>	33.680m ²
8.6	<i>Khu kết nối và thương mại hóa sản phẩm, ý tưởng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (tại Số 29, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ)</i>	470,6 m ²

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục XIX
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, THỂ THAO
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG VĂN HÓA

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
1	Khu lưu niệm các danh nhân	Phường Cái Răng
2	Cải tạo, nâng cấp Bảo tàng thành phố Cần Thơ	Phường Ninh Kiều
3	Cải tạo, nâng cấp Bảo tàng Sóc Trăng thành Bảo tàng văn hóa Khmer	Phường Phú Lợi
4	Cải tạo, sửa chữa cơ sở hoạt động sự nghiệp Trung Tâm Văn hoá nghệ thuật thành phố	TP. Cần Thơ
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Phường Ninh Kiều
6	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Địa điểm khảo cổ học Nhơn Thành	Xã Nhơn Ái
7	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Bình Thủy	Phường Bình Thủy
8	Di tích lịch sử Cơ quan Đặc ủy An Nam Cộng sản Đảng Hậu Giang (1929-1930)	Phường Bình Thủy
9	Di tích lịch sử Chùa Nam Nhã	Phường Bình Thủy
10	Di tích lịch sử Mộ Nhà thơ Phan Văn Trị	Xã Nhơn Ái
11	Di tích nghệ thuật Chùa Long Quang	Phường Long Xuyên
12	Di tích lịch sử Chùa Hội Linh	Phường Bình Thủy
13	Di tích lịch sử Mộ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa	Phường Bình Thủy
14	Di tích lịch sử Khám lớn Cần Thơ	Phường Ninh Kiều
15	Di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà thờ Họ Dương	Phường Bình Thủy
16	Di tích lịch sử Địa điểm chuyên quân, Trạm quân y tiền phương và nơi cất giấu vũ khí thuộc lộ vòng cung Cần Thơ trong kháng chiến chống Mỹ	Phường An Bình

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
17	Di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ An Nam cộng sản Đảng Cờ Đỏ	Xã Cờ Đỏ
18	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thạnh Hòa	Phường Thốt Nốt
19	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thuận Hưng	Phường Thuận Hưng
20	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh địa điểm hội trường, hầm và nhà làm việc của Tỉnh ủy Cần Thơ tại căn cứ Bà Bái (Căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ)	Xã Phương Bình
21	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Địa điểm Lưu niệm khởi nghĩa Nam Kỳ tại Làng Phú Hữu	Xã Châu Thành
22	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Địa điểm cơ quan liên tỉnh ủy Cần Thơ (1938 - 1940)	Xã Phú Hữu
23	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Chiến thắng Tầm Vu	Xã Thạnh Xuân
24	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Trụ sở Ủy ban Liên hiệp đình chiến Nam Bộ	Phường Ngã Bảy
25	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Địa điểm Mỹ - Diệt tàn sát đồng bào khi lập khu trù mật Vị Thanh – Hỏa Lựu	Phường Vị Thanh
26	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Đền thờ Bác Hồ	Xã Lương Tâm
27	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Chiến thắng Vàm Cái Sinh	Phường Vị Thanh
28	Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Kh'leang	Phường Sóc Trăng
29	Di tích lịch sử Căn cứ tỉnh ủy Sóc Trăng	Xã Mỹ Phước
30	Di tích lịch sử Đình Hòa Tú	Xã Hoà Tú
31	Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Dơi	Phường Phú Lợi
32	Di tích lịch sử Đền thờ Bác Hồ	Xã An Thạnh
33	Di tích lịch sử Miếu Bà Mỹ Đông	Phường Mỹ Quới
34	Di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Chi khu Ngã Năm	Phường Ngã Năm
35	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Chiến thắng Ông Hòa	Xã Trường Long
36	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Đình Thới An	Phường Ô Môn

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
37	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Căn cứ Ban Chỉ huy Tổng Tấn Công và Nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 ở Cần Thơ (Căn cứ vườn mận)	Phường An Bình
38	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Chùa PôThi SomRôn	Phường Ô Môn
39	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Địa điểm Chiến thắng của Đội cảm tử - Quốc gia tự vệ cuộc tỉnh Cần Thơ năm 1945	Phường Cái Răng
40	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Linh Sơn cổ Miếu	Phường Thới Long
41	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Đình Thường Thạnh	Phường Cái Răng
42	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh địa điểm chiến thắng Ông Đưa năm 1960	Xã Trường Thành
43	Di tích lịch sử địa điểm chiến thắng của tiểu đoàn Tây Đô tại Rạch Ông Cừu năm 1968	Phường Cái Răng
44	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Chùa Cảm Thiên Đại Đế	Phường Ô Môn
45	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Đình Tân Lộc Đông	Xã Tân Lộc
46	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Vĩnh Trinh	Xã Vĩnh Trinh
47	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thới Bình	Phường Ninh Kiều
48	Di tích lịch sử Địa điểm Căn cứ Huyện ủy Ô Môn (1971-1975) Căn Cứ Lò Mo	Xã Trường Thành
49	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thới Thuận	Phường Thốt Nốt
50	Di tích lịch sử Mộ Soạn Giả Mộc Quán – Nguyễn Trọng Quyền	Phường Thuận Hưng
51	Di tích lịch sử Địa điểm Đế Quốc Mỹ thẩm sát đồng bào vô tội tại Cầu Nhiễm năm 1966	Phường Phong Điền
52	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Phú Luông	Phường Thới Long
53	Di tích kiến trúc nghệ thuật Thất Phủ Võ Miếu	Phường Thốt Nốt
54	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ xã Hòa Tiến (1965 - 1968)	Xã Hòa Lựu
55	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Địa điểm Chiến thắng Chày Đạp	Xã Thạnh Hòa
56	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Căn cứ Thị xã ủy Vị Thanh	Phường Vị Tân

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
57	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Địa điểm thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Cần Thơ	Xã Thạnh Xuân
58	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Địa điểm thành lập Tiểu Đoàn Tây Đô	Xã Phương Bình
59	Di tích lịch sử- văn hóa Chùa Phổ Minh	Phường Vị Thanh
60	Di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh Trận Chiến Pháo Bình Vịnh Chèo	Xã Vĩnh Thuận Đông
61	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Địa điểm Chiến thắng BỔ THẢO	Phường Sóc Trăng
62	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Chùa Quan Âm	Xã Đại Ngãi
63	Di tích lịch sử (Lưu niệm danh nhân) Đình Thần Nguyễn Trung Trực	Xã Long Phú
64	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Chùa Sêrây CrôSăng	Phường Vĩnh Châu
65	Di tích lịch sử (Lưu niệm danh nhân) Lương Định Của	Xã Đại Ngãi
66	Di tích kiến trúc nghệ thuật Miếu Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu (Chùa Bà)	Phường Vĩnh Châu
67	Di tích kiến trúc nghệ thuật Hòa An Hội Quán	Phường Phú Lợi
68	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thần Mỹ Xuyên	Phường Mỹ Xuyên
69	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Chùa Chruitim Chas (Chùa Trà Tim)	Phường Mỹ Xuyên
70	Di tích kiến trúc nghệ thuật Thanh Minh Cổ Miếu (Chùa Ông Bồn)	Phường Vĩnh Châu
71	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Địa điểm Chiến thắng Xẻo Me	Phường Vĩnh Phước
72	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Địa điểm Đồng Khởi Trà Teo	Phường Khánh Hòa
73	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Địa điểm Chiến thắng Chắc Túc – Bàu Cồn	Xã Lâm Tân
74	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Địa điểm Mỹ Ngụ Thảm sát thường dân ở xã Vĩnh Lợi	Xã Vĩnh Lợi
75	Di tích lịch sử (Lưu niệm danh nhân) Lưu niệm anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam – Liệt sĩ Thiều Văn Chỏi	Xã Đại Hải
76	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Địa điểm Mỹ Ngụ Thảm sát thường dân ở Vàm Cái Cao	Xã An Lạc Thôn

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
77	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Địa điểm thành lập Tiểu đoàn Phú Lợi	Xã Hòa Tú
78	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Căn cứ Huyện ủy Thạnh Trị - Ngã Năm	Phường Mỹ Quới
79	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Địa điểm Chiến thắng Rạch Già	Xã An Thạnh
80	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Chùa Ô Chum (Ô Chumaramprêk Kheek)	Phường Ngã Năm
81	Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Đất Sét (Bửu Sơn Tự)	Phường Sóc Trăng
82	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Chùa Tầm Vu (Prêk Om Pu)	Xã Thạnh Thới An
83	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Đình Thần Khánh Hòa	Phường Khánh Hòa
84	Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Chén Kiều (Chùa Sro Lôn)	Phường Mỹ Xuyên
85	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Chùa Pô Thi PhĐôk	Xã Kế Sách
86	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Bia Chứng tích Chiến Tranh	Xã Liêu Tú
87	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Chùa Tà Ân	Xã Mỹ Hưng
88	Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Bốn Mặt	Xã Thuận Hòa
89	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Địa điểm Chiến thắng An Hưng	Xã Cù Lao Dung
90	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Đình Rạch Giồng – Địa điểm thành lập trường Đảng đầu tiên tỉnh Sóc Trăng	Xã An Thạnh
91	Di tích kiến trúc nghệ thuật Phước Đức Cổ Miếu (Chùa Ông Bôn)	Xã Phú Lộc
92	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Cổ Đình Thần Nguyễn Trung Trực	Xã Đại Ngãi
93	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Thiên Phước Cổ Tự (Chùa Giồng Đá)	Xã An Lạc Thôn
94	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Địa điểm thành lập Chi bộ Lạc Hòa – Tiền thân của Đảng bộ Thị xã Vĩnh Châu	Xã Vĩnh Hải
95	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Đình Thần Nguyễn Trung Trực	Xã Gia Hòa
96	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Địa điểm Pháo đài Chiến Thắng Chi Khu Ngã Năm	Phường Ngã Năm

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
97	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Đình Thạnh Thới An	Xã Thạnh Thới An
98	Di tích kiến trúc nghệ thuật Ba Thắc Cổ Miếu (Chùa Ông Ba)	Phường Mỹ Xuyên
99	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Đình thần Nguyễn Trung Trực	Xã Kế Sách
100	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Chùa Giác Hương	Phường Ngã Năm
101	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Nhà bia Ghi danh liệt sĩ Giày Lăng	Phường Khánh Hòa
102	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Đình thần Phụng Tường	Xã Nhơn Mỹ
103	Di tích lịch sử (Lịch sử cách mạng) Lăng Ông Nam Hải	Xã Trần Đề
104	Nhà hát Tây Đô (Nhà hát Thành phố)	Phường Cái Răng
105	Bảo tàng văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long	Phường Cái Răng
106	Di tích Chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch của Quân và dân khu 9 (Chiến thắng Chương Thiện)	Phường Vị Tân

II. CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG THỂ THAO

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
1	Nhà thi đấu đa năng	Phường Sóc Trăng
2	Hồ bơi trung tâm thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế
3	Nhà thi đấu	Phường Vị Thanh
4	Ký túc xá cho vận động viên của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao thành phố Cần Thơ	Phường Vị Thanh
5	Nâng cấp, sửa chữa Nhà thi đấu đa năng thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế
6	Nâng cấp, sửa chữa sân vận động Cần Thơ	Phường Cái Khế
7	Nhà tập luyện thi đấu nhiều môn tại khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế
8	Cụm Sân thể thao ngoài trời và nhà phụ trợ tại khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế
9	Khu nhà nghỉ vận động viên - huấn luyện viên của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế,
10	Xây dựng sân điền kinh tại sân vận động Cần Thơ thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao thành phố	Phường Cái Khế

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
11	Sân gôn (golf) kết hợp Khu đô thị - Dịch vụ	Cái Răng/Thới Lai, Xã Châu Thành, Đông Phước, Phú Hữu, Thạnh Hòa, Xã Tân Phước Hung, Xã Lương Tâm
12	Khu phức hợp thể thao, giải trí	Bình Thủy/ Ô Môn
13	Trường đua ngựa	Bình Thủy/ Ô Môn /Thới Lai
14	Khu đua xe thể thao	Bình Thủy/Ô Môn

III. LĨNH VỰC THÔNG TIN

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Quy hoạch
1	Xây dựng hệ thống quản lý di sản văn hóa vật thể và phi vật thể	TP. Cần Thơ	Đầu tư mới
2	Xây dựng và triển khai hệ thống thư viện số	TP. Cần Thơ	Đầu tư mới
3	Nâng cấp hệ thống các ứng dụng chuyên đổi số ngành du lịch	TP. Cần Thơ	Đầu tư mới
4	Nâng cấp phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu ngành thể dục thể thao	TP. Cần Thơ	Đầu tư mới
5	Đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cấp xã	TP. Cần Thơ	Đầu tư mới

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình văn hóa thể thao khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục XX
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Cơ sở an sinh xã hội
I	Danh mục hạ tầng an sinh xã hội dự kiến củng cố, nâng cấp
1	Nâng cấp và hiện đại hóa Trung tâm dịch vụ việc làm Cần Thơ
2	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội Cần Thơ
3	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội Sóc Trăng
4	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Công tác Xã hội Hậu Giang
5	Nâng cấp, cải tạo Cơ sở cai nghiện ma túy Sóc Trăng
6	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Công tác Xã hội Cần Thơ
7	Nâng cấp, tu bổ công trình ghi công liệt sĩ
II	Danh mục hạ tầng an sinh xã hội dự kiến xây mới
1	Xây mới Trung tâm Bảo trợ xã hội Sóc Trăng (cơ sở 2)

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình an sinh xã hội khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương. Quy hoạch mạng lưới cơ sở an sinh xã hội phải phù hợp với Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và tình hình thực tế của thành phố.

Phụ lục XXI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THƯƠNG MẠI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. CHỢ

TT	Tên	Địa điểm	Quy mô
1	Trung tâm Thương mại dịch vụ và Chợ đầu mối nông, thủy sản ĐBSCL	Xã nhơn Ái và phường Cái Răng	33,6 ha
2	Tổ hợp khách sạn 4 sao và chợ du lịch Xà No	Phường Vị Thanh	0,4 ha
3	Chợ và Trung tâm Thương mại dịch vụ Hưng Thạnh	Phường Cái Răng	4,8 ha
4	Chợ đầu mối nông sản	Phường Sóc Trăng	10 ha

II. TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, SIÊU THỊ

TT	Tên	Địa điểm	Quy mô/hạng
1	Xây dựng mới hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại	Các xã, phường	Hạng I, II, III

III. TRUNG TÂM LOGISTICS

STT	Trung tâm Logistics	Địa điểm
1	Trung tâm logistics hạng II gắn với cảng Cái Cui	Phường Hưng Phú
2	Trung tâm logistics hàng không gắn với Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ	Phường Long Tuyền, Thới An Đông
3	Trung tâm logistics tại bến cảng Thốt Nốt	Phường Thốt Nốt
4	Tổng kho phân phối Mekong	Xã Châu Thành
5	Trung tâm Colde Storage logistics Hậu Giang	Xã Thạnh Xuân
6	Trung tâm logistics Trần Đề	Xã Trần Đề
7	Trung tâm logistics Sóc Trăng	Phường Sóc Trăng
8	Trung tâm logistic Tân Hòa	Xã Tân Hòa

IV. TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM

STT	Tên	Địa điểm	Quy mô/hạng
1	Trung tâm Hội chợ triển lãm Cần Thơ	Phường Hưng Phú	30 ha
2	Trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP tại Cần Thơ		01 ha

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.

Phụ lục XXII
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THÀNH PHỐ CẦN THƠ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Loại đất	Mã	Diện tích Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030		Ghi chú
			Diện tích cấp Quốc gia phân bổ (ha)	Nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất của thành phố (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	507.007	486.740	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	287.631	261.703	
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	287.631	261.703	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	114.887	117.773	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.761	1.761	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.409	4.765	Giảm cho Khu kinh tế Trần Đề
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.169	2.169	
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>2.169</i>	<i>0</i>	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	128.877	149.159	
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	12.374	13.374	
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	13.743	18.184	
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	751	821	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	1.783	1.783	
2.5	Đất an ninh	CAN	1.182	1.164	Theo Điều chỉnh Quy hoạch đất an ninh
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	5.428	5.849	

TT	Loại đất	Mã	Diện tích Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030		Ghi chú
			Diện tích cấp Quốc gia phân bổ (ha)	Nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất của thành phố (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	890	999	
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	24	24	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	447	744	
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3.139	3.139	
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	855	1.012	
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	2	2	
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	71	71	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	12.212	16.538	
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	5.689	8.727	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	1.939	2.084	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		50	
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2.538	3.356	
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2.028	2.498	
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	18	18	

TT	Loại đất	Mã	Diện tích Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030		Ghi chú
			Diện tích cấp Quốc gia phân bổ (ha)	Nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất của thành phố (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	44.787	46.380	
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	20.233	21.582	
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	21.722	21.722	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	10	10	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	125	144	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	467	576	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1.886	1.986	
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	71	79	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	81	89	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	192	192	
2.9	Đất tôn giáo	TON	538	654	
2.1	Đất tín ngưỡng	TIN	91	100	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	848	1.136	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	199	199	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		199	
4	Khu chức năng				

TT	Loại đất	Mã	Diện tích Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030		Ghi chú
			Diện tích cấp Quốc gia phân bổ (ha)	Nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất của thành phố (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
4.1	<i>Đất khu công nghệ cao</i>	<i>KCN</i>	<i>415</i>	<i>615</i>	
4.2	<i>Đất khu kinh tế</i>	<i>KDT</i>		<i>40.000</i>	<i>Khu kinh tế Trần Đề</i>
4.3	<i>Đất đô thị</i>	<i>KDT</i>	<i>166.977</i>	<i>196.632</i>	

Ghi chú:

- Khu chức năng không tính tổng diện tích tự nhiên.
- Định hướng sử dụng đất đai phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền theo quy định.
- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, việc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

Phụ lục XXIII
DANH SÁCH CÁC KHU VỰC THUỘC VÙNG BẢO VỆ NGHIÊM
NGẬT, VÙNG HẠN CHẾ PHÁT THẢI THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

STT	Tên khu vực	Vị trí dự kiến
I	Vùng bảo vệ nghiêm ngặt	
1	Phường Cái Răng	Phường Cái Răng
2	Phường Hưng Phú	Phường Hưng Phú
3	Phường Long Bình	Phường Long Bình
4	Phường Mỹ Quới	Phường Mỹ Quới
5	Phường Ninh Kiều	Phường Ninh Kiều
6	Phường Cái Khế	Phường Cái Khế
7	Phường Tân An	Phường Tân An
8	Phường An Bình	Phường An Bình
9	Phường Thới An Đông	Phường Thới An Đông
10	Phường Bình Thủy	Phường Bình Thủy
11	Phường Long Tuyền	Phường Long Tuyền
12	Phường Ô Môn	Phường Ô Môn
13	Phường Thới Long	Phường Thới Long
14	Phường Phước Thới	Phường Phước Thới
15	Phường Trung Nhứt	Phường Trung Nhứt
16	Phường Thốt Nốt	Phường Thốt Nốt
17	Phường Thuận Hưng	Phường Thuận Hưng
18	Phường Tân Lộc	Phường Tân Lộc
19	Phường Vị Tân	Phường Vị Tân
20	Phường Long Mỹ	Phường Long Mỹ
21	Phường Long Phú 1	Phường Long Phú 1
22	Phường Đại Thành	Phường Đại Thành
23	Phường Ngã Bảy	Phường Ngã Bảy
24	Phường Phú Lợi	Phường Phú Lợi
25	Phường Sóc Trăng	Phường Sóc Trăng
26	Phường Vĩnh Phước	Phường Vĩnh Phước
27	Phường Vĩnh Châu	Phường Vĩnh Châu
28	Phường Khánh Hòa	Phường Khánh Hòa
29	Phường Ngã Năm	Phường Ngã Năm
30	Phường Vị Thanh	Phường Vị Thanh

STT	Tên khu vực	Vị trí dự kiến
31	Phường Mỹ Xuyên	Phường Mỹ Xuyên
32	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Xã Phương Bình
33	Các khu du lịch sinh thái	Các khu du lịch sinh thái
34	Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử văn hóa	Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử văn hóa
35	Khu vực các cơ sở giáo dục-đào tạo	Khu vực các cơ sở giáo dục-đào tạo
36	Các công viên trên địa bàn TP Cần Thơ	Các công viên trên địa bàn TP Cần Thơ
II	Vùng Hạn chế phát thải	
1	Xã Gia Hòa	Xã Gia Hòa
2	Xã Nhu Gia	Xã Nhu Gia
3	Xã Châu Thành	Xã Châu Thành
4	Xã Phương Bình	Xã Phương Bình
5	Xã Phú Tâm	Xã Phú Tâm
6	Xã Trường Khánh	Xã Trường Khánh
7	Xã Long Hưng	Xã Long Hưng
8	Xã Lương Tâm	Xã Lương Tâm
9	Xã Phú Lộc	Xã Phú Lộc
10	Xã Lịch Hội Thượng	Xã Lịch Hội Thượng
11	Xã An Ninh	Xã An Ninh
12	Xã Vĩnh Viễn	Xã Vĩnh Viễn
13	Xã Hòa Tú	Xã Hòa Tú
14	Xã Cờ Đỏ	Xã Cờ Đỏ
15	Xã Đại Ngãi	Xã Đại Ngãi
16	Xã Xà Phiên	Xã Xà Phiên
17	Xã Long Phú	Xã Long Phú
18	Xã Thạnh An	Xã Thạnh An
19	Xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa
20	Xã Kế Sách	Xã Kế Sách
21	Xã Thới Lai	Xã Thới Lai
22	Xã Trần Đề	Xã Trần Đề
23	Xã Phong Điền	Xã Phong Điền
24	Xã Cù Lao Dung	Xã Cù Lao Dung
25	Xã Thạnh Hòa	Xã Thạnh Hòa
26	Xã Tân Phước Hưng	Xã Tân Phước Hưng
27	Xã Hòa An	Xã Hòa An

STT	Tên khu vực	Vị trí dự kiến
28	Xã Hiệp Hưng	Xã Hiệp Hưng
29	Xã Ngọc Tố	Xã Ngọc Tố
30	Xã Đông Phước	Xã Đông Phước
31	Xã Thạnh Xuân	Xã Thạnh Xuân
32	Xã Vị Thủy	Xã Vị Thủy
33	Xã Mỹ Tú	Xã Mỹ Tú
34	Xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh
35	Xã An Lạc Thôn	Xã An Lạc Thôn
36	Xã An Thạnh	Xã An Thạnh
37	Khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung	Xã Cù Lao Dung
38	Khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Mỹ Phước	Xã Mỹ Phước
39	Khu vực bảo vệ 2 của di tích lịch sử văn hóa nêu trên	Xã Hiệp Hưng
40	Các khu vực phát triển du lịch	Ngày hội vườn trái cây tại Tân Lộc; Lễ hội OK Om Bok tại chùa Pothi Somrôm
41	Các khu vực tập trung sản xuất nông nghiệp trọng điểm: các nơi thí điểm cánh đồng mẫu lớn (Khu vực trồng lúa nước từ 2 vụ trở lên với diện tích liền khoảnh trên 500 ha), trồng rau màu với diện tích lớn, các khu dự kiến quy hoạch nông nghiệp công nghệ cao	Cánh đồng lúa lớn liền khoảnh kéo dài
III	Vùng khác	
1	Vùng công nghiệp: Các KCN, CCN, cụm cảng	Toàn bộ diện tích các KCN, CCN, cụm cảng trên địa bàn TP Cần Thơ
2	Vùng thương mại - dịch vụ	Toàn bộ diện tích thương mại - dịch vụ
3	Các vùng còn lại trên địa bàn TP không thuộc danh mục liệt kê tại các mục nêu trên.	Diện tích còn lại

Ghi chú: Vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn thành phố quản lý đã được xác định trong quy hoạch thành phố theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Phụ lục XXIV
DANH SÁCH CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Tên khu bảo tồn cấp tỉnh
1	Vườn Cò Bằng Lăng (Khu vực Thốt Nốt)
2	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng
3	Các khu vực tập trung sản xuất nông nghiệp trọng điểm
4	Khu bảo tồn thủy sinh vật nước ngọt (nếu có)
5	Các trung tâm giống cây trồng trên địa bàn thành phố
6	Các Khu bảo tồn đa dạng sinh học hiện hữu và hình thành tương lai

Phụ lục XXV
TỔNG HỢP CÁC KHU VỰC TIỀM NĂNG THĂM DÒ, KHAI THÁC
TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

A. DANH MỤC CÁC KHU VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN ĐẾN NĂM 2030.

I. CÁT SAN LẤP

TT	Tên Mỏ / Khu Vực	Vị Trí	Diện tích (ha)	Trữ Lượng (m³)	Ghi Chú
1	Phước Lộc	Khu vực Thốt Nốt	24	784,000	-
2	Tân Lộc	Khu vực Thốt Nốt	76	2,916,000	-
3	Khu 1	Xã Phong Năm, Thới An Hội (Kế Sách)	67,70	3.215.750	-
4	Khu 2	Xã Phong Năm	55,20	1.376.721	-
5	Khu 3	Xã Thới An Hội.	111,70	1.720.180	-
6	Khu 4	Xã Nhơn Mỹ	69,95	1.888.650	-
7	Khu 5 (Quy mô lớn)	Xã An Thạnh và Cù Lao Dung)	1.115,46	23.759.313	Lưu ý: Phải trừ các vị trí nguy cơ sạt lở (đoạn Song Phụng - An Thạnh 1).
8	Khu 6	Xã Trần Đề & Cù Lao Dung	83,76	1.482.552	Cửa sông ra biển (Trần Đề)
9	Phú Thứ- Tân Phú	P. Hưng Phú	33,8	480,000	Khai thác cho các công trình trọng điểm của thành phố
10	Tân Phú	P. Hưng Phú	34,3	613,750	Khai thác cho các công trình trọng điểm của thành phố
11	Phước Lộc 2	P. Tân Lộc	21	455,000	Khai thác cho các công trình trọng điểm của thành phố

TT	Tên Mỏ / Khu Vực	Vị Trí	Diện tích (ha)	Trữ Lượng (m ³)	Ghi Chú
12	Trà Nóc	P. Thới An Đông P. Phước Thới,	96	1,668,000	Khai thác cho các công trình trọng điểm của thành phố
13	Trường Thọ	P. Tân Lộc	40	504,000	Đang khai thác và hết hạn vào ngày 20/ 3/2026

II. SÉT GẠCH NGÓI

TT	Loại khoáng sản	Tên mỏ/khu vực quy hoạch	Vị trí hành chính	Diện tích (ha)
1	Sét gạch ngói	Mỏ Phụng Hiệp 1	Xã Tân Phước Hưng	20
2	Sét gạch ngói	Mỏ Long Mỹ	Xã Xà Phiên	15
3	Sét gạch ngói	Điểm mỏ ven sông Hậu	KV Châu Thành, Hậu Giang	Phân tán
4	Sét	Mỏ Vị Tân	Phường Vị Tân	200
5	Sét	Mỏ Tân Bình	Xã Tân Bình	400
6	Sét	Mỏ Vị Thủy	Xã Vị Thủy	150
7	Sét	Mỏ Hòa An	Xã Hòa An	820
8	Sét	Mỏ Thuận Hòa	Xã Xà Phiên	300

III. VÙNG TRIỂN VỌNG KHOÁNG SẢN KHU VỰC BIỂN VEN BỜ

TT	Loại khoáng sản	Số lượng khu
1	Vùng triển vọng loại (A): Phân bố ở ngoài khơi cách Côn đảo 20 km về phía Đông Bắc, cách đất liền 90 km	1
2	Vùng triển vọng loại (B)	5
	Vùng triển vọng ký hiệu b1: Phân bố cách cửa Trần Đề 20 km	1
	Vùng triển vọng ký hiệu b2: Phân bố ngoài khơi, cách bờ 40 km	1
	Vùng triển vọng ký hiệu b3: Phân bố ngoài khơi, cách bờ Côn Đảo 30 km về phía Bắc, cách đất liền 70 km	1
	Vùng triển vọng ký hiệu b4: Phân bố cách bờ 40 km, nằm giữa Côn Đảo và đất liền	1
	Vùng triển vọng ký hiệu b5: Nằm cách Côn Đảo 17 km về phía Tây Bắc	1
3	Các vùng triển vọng vật liệu sét	3

TT	Loại khoáng sản	Số lượng khu
	Vùng triển vọng ký hiệu c1: Ở phía Đông Nam cửa Trần Đề	1
	Vùng triển vọng ký hiệu c2: Ở phía Nam Vĩnh Trạch Đông	1
	Vùng triển vọng ký hiệu c3: Ở phía Đông Nam cửa Mỹ Thanh	1

B. KHU VỰC TIỀM NĂNG THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN GIAI ĐOẠN 2030 - 2050

TT	Loại khoáng sản	Tên mỏ/khu vực quy hoạch	Vị trí hành chính	Diện tích (ha)
I	THAN BÙN			
1	Than bùn	Mỏ Mỹ Phước	Xã Mỹ Phước	200
2	Than bùn	Mỏ Long Mỹ	Xã Xà Phiên	150
3	Than bùn	Mỏ Tân Thành	Phường Đại Thành	100
4	Than bùn	Mỏ Vị Đông	xã Đông Thanh Bình	35
5	Than bùn	Mỏ Hòa Mỹ	Xã Phụng Hiệp	70
6	Than bùn	Mỏ Hòa An	Xã Hòa An,	90
7	Than bùn	Mỏ Búng Tàu	Xã Tân Phước Hưng	100
8	Than bùn	Mỏ Long Mỹ	Xã Vĩnh Viễn, Lương Tâm	600
II	NƯỚC KHOÁNG			
1	Nước khoáng nóng	Điểm lộ Ô Môn (Dự kiến)	Khu vực Ô Môn	-

Ghi chú: Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác cát và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030 phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản bảo đảm không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản.

- Các khu vực thăm dò, khai thác cát xây dựng, san lấp bảo đảm tuân thủ quy định tại Điều 13 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, đối với các điểm mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố sẽ do Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan, rà soát và tự điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) để đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành. Đối với các điểm mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, sẽ căn cứ các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai, thực hiện.

Phụ lục XXVI
DANH MỤC BẢN ĐỒ, SƠ ĐỒ QUỸ HOẠCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của thành phố Cần Thơ	1:500.000
2	Các bản đồ về hiện trạng phát triển thành phố Cần Thơ	1:100.000
3	Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng thành phố Cần Thơ	1:100.000
4	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn thành phố Cần Thơ	1:100.000
5	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng thành phố Cần Thơ	1:100.000
6	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội thành phố Cần Thơ	1:100.000
7	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật thành phố Cần Thơ	1:100.000
8	Sơ đồ định hướng sử dụng đất thành phố Cần Thơ	1:100.000
9	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên thành phố Cần Thơ	1:100.000
10	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ	1:100.000
11	Sơ đồ, bản đồ chuyên đề	1:100.000
11.1	Sơ đồ phương án phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản thành phố Cần Thơ	1:100.000
11.2	Sơ đồ phương án phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành phố Cần Thơ	1:100.000